

THANH-NGH!

NGHI-LUAN, VAN-CHUONG, KHAO-CUU

Chủ nhiệm: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|--|-------------------|
| — Địa-vị trung-lập. | PHAN ANH |
| — Điều-tra nhỏ : Những tá điền. | NGHIÊM XUÂN YÊM |
| — Cuộc tiến-hóa của nền tư-bản
Âu-Tây: Chính-phủ can-thiệp
vào kinh-tế. | VŨ VĂN HIỀN |
| — Sử liệu: Nước Xiêm đã giúp
Nguyễn Ánh đánh Tây - Sơn
như thế nào ? (1780 - 1788) | NGUYỄN THIỆU LÂU |
| — Một đêm rượu (truyện ngắn) | NGUYỄN LƯƠNG NGỌC |
| — Bụi đất kinh. | NGUYỄN TUÂN |
| — Những bước đi ngang (truyện
dài) | ĐỖ ĐỨC THU |
| — Đọc sách mới | P. T. |
| — Việc quốc tế: Liên-bang Sô-
viết. | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Đời sống Đông-dương : Chung
quanh việc tân cư. | VŨ ĐÌNH HÒE |

NĂM THỨ BA: SỐ 55 — NGÀY 26 FÉVRIER 1944

BAO THANH NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỀ THUẬT CHÂN CHÍNH

Trong số 4 Mars 1944

— Trước thời cục	Đỗ đức Dục
— Hiến pháp Trung-hoa	Phan Anh
— Bước hưng vong của một nền tiểu công nghệ : Pháo Bình-đà	Phan Mỹ
— Hoài vọng của lý trí	Đình gia Trinh
— Mục đích và chương trình Truyền bá vệ sinh và Phổ- thông y-học ở thôn-quê	Nguyễn trinh Cơ
— Tiên Xích-bích và Hậu Xích-bích — nguyên văn của Tò-dòng-Pha	Tôn quang Phiệt dịch
— Ngồi trong cửa sổ — nguyên văn của J. Giraudoux	Lê huy Văn dịch
— Bụi Đất Kinh	Nguyễn Tuân
— Những bước đi ngang (tiếp theo)	Đỗ đức Thu

HỘI TRUYỀN BÁ HỌC QUỐC NGŨ

Cũng như các trường công tư, các lớp học của Hội Truyền Bá Quốc Ngũ trong thành phố Hà-Nội tạm nghỉ. Còn các lớp học thuộc khu Đát-Lý, ở Hà-Đông và Gia-Lâm kể từ ngày 14-Février 1944 tức là 21 tháng Giêng ta lại bắt đầu khai giảng:

Công Ích, Nam Thanh (Bạch Mai) — Trịnh Kiêm (Khóm Thiên) — Đại-La, Quang Trung Ngọc Hà) — Đào Thánh (Yên Phụ) — Duy Tùn (Ngã-tư-Sở) Chùa Đồng Quang (Thái Hà) — Quỳnh Lôi, Hoàng Mai, Trương Mai, Phương Liệt, Khương Thượng, Khương Trung, Khương Hạ, Thượng Đình, Yên Thái Nghĩa Đô, Trích Sài, Xuân Tảo, Tự Đức, — (Hà Đông), Tiên Lữ (Chương Mỹ) Các lớp học ở Hòa Xá, Triều Khê (Ứng-hòa) cũng sắp khai giảng.

Ban Dạy Học lại đang tiến hành mở các lớp học tại các làng: Lạ Đình, Khương Đình Kìm Lữ, Giáp Nhị, Đại Từ, Vĩnh Tuy, Vạn phúc, Cồ nhưế Thụy phương, Ai mộ, (Gia-lâm).

Những bạn sốt sắng dạy giúp buổi trưa tại các làng kể trên, xin biên giấy đến phòng thường trực của hội ở số nhà 143 phố Henri-d'Orléans, Hà-nội.

H. T. B. Q. N. lai cáo

CẢI CHÍNH

Trong T. N. số Tết

bài NAY VÀ MAI

— trang 5, cột 1, giòng 23 : với tâm-trí, xin đọc là với tâm-trí.

— trang 8 cột 2 giòng 49 :... dành cho các tác-phẩm xin đọc là... dành cho các tác-giả.

— trang 10, cột 1, giòng 28 :... luận-lý học, xin đọc là luận-lý học.

— trang 10, cột 2, giòng 4 :... luận-lý Á-Đông xin đọc là luận-lý Á-Đông,

bài LỊCH VÀ LỊCH ĐỜI LÊ

— trang 44, cột 2, giòng 42 :... Thanh nhược Vọng xin đọc là Thang nhược Vọng.

— trang 45, bảng các khí : mưa tữa, xin đọc là mưa trĩa
bài thơ CA DỊ HÒA

— trang 9, giòng thứ 8, xin đọc là... Hỡi ơi cuồng dạ.

— giòng 21, xin đọc là... khối lửa y nguyên.

— giòng 24, xin đọc là... lòng ta l lẫn một.

DIA-VI TRUNG-LẬP

Đứng giữa hai bên địch thủ, bên nào cũng muốn kéo mình vào phe họ, muốn giữ địa vị trung lập là một việc rất khó : thí dụ nước Espagne bây giờ, và còn nhiều nước nữa.

Khó là vì hai bên họ đều nghĩ mình là không hoàn toàn trung lập, hay dầu họ không nghĩ nữa thì cũng tìm cách mua chuốc hay áp bách mình.

Một lối áp bách của họ, là buộc tội nước trung lập có ý thiên vị phe địch rồi lấy cớ sinh chuyện. Lối vu khống ấy (của con sói định bắt con cừu) kẻ thì rất đáng sợ, nhưng không đáng bàn, bởi vì chỉ có thể bàn những nghị luận có căn cứ, chứ ai biện luận được sự ngờ vực hay sự dọa nạt vô lý.

Một sự chỉ trích đường chính hơn mà đáng đem ra bàn là chỉ trích ngay vào thái độ trung lập « vì trung lập »

Hồi mùa thu năm ngoái một nhà báo Nga, trách nước Turquie ích kỷ lấy cớ rằng, Đồng Minh bênh vực dân quyền, tức là bảo toàn văn minh cho thế giới; vậy nước Turquie nên bỏ địa vị trung lập — theo ý nhà báo — để giúp Đồng Minh làm việc « nghĩa » ấy. Tuy ta không phải người Ture nhưng ta cũng thấy bần khoản : bần khoản vì hai phe địch thủ bên nào cũng tuyên bố là « Nghĩa » mà chiến đấu. Đóng vai trung lập ta biết theo nghĩa nào ?

Bàn « nghĩa » không xong, họ bàn « Lợi »: theo bên này thì nước trung lập sẽ được hưởng quyền lợi họ, ngã bên kia thì sẽ được thêm đất đai kia... Nhưng đá chẳng qua chỉ là « sẽ »... Muốn được những lợi ấy phải đợi khi kết cục : mà kết cục, ai được ai thua, liệu ai mà đoán được ? Dầu có tính được trước nữa thì cũng còn mong chỗ người ta giữ lời hứa với mình. Gương lịch sử, qua hai cuộc chiến tranh trước và chiến tranh này hãy còn đó để ta soi : nhiều kẻ tính nhăm mà nước mang họa, hay quá tin mà nước uổng công !

Bàn nghĩa cũng không lay, bàn lợi cũng không chuyển, phải chăng nước trung lập không biết theo Nghĩa, tùy Lợi ? Không.

Chữ « Nghĩa » mà họ phải thờ là một chữ « Nghĩa » không to tát viên vông như chữ « Nghĩa » kẻ trên, chữ « Nghĩa » đây chỉ là nghĩa lân cư. Vì tình thế xui nên, nước trung lập phải sống giữa hai địch quốc, thì phải làm tròn bổn phận lân cư, nghĩa là

(Coi tiếp trang 27)

TÁ-ĐIỀN VÀ NHỮNG TÁ-ĐIỀN

Điều tra nhỏ về nông nghiệp ở miền Bắc Việt Nam. Phần I. Về tá-điền và những tá-điền.

Tá-điền, hai tiếng ấy mới thông dụng ở thôn quê trong vùng 15) 20 năm gần đây. Trước đây, người dân miền Bắc Việt Nam không có ruộng hay (không có đủ ruộng để cấy cấy, phải xin lĩnh canh ruộng của các chủ điền). Trước hết, chúng ta phải phân biệt họ mua mẫu ruộng (fermier) với họ tá-điền (métayer). Những người mua mẫu ruộng cũng là những người dân quê không có đủ ruộng để cấy nhưng họ có tiền. Họ thuê ruộng của các đại-điền-chủ, trả tiền trước từ tháng giêng, tháng hai. Sau này mùa màng xấu tốt họ phải chịu thiệt thòi hay được hưởng lợi riêng cả, và thường thường họ cũng không phải vay mượn gì của chủ-điền (1). Còn như họ tá-điền, họ nghèo hơn, không có tiền, nên họ phải nhận ruộng của chủ-điền giao cho. Đến vụ gặt, một nọp thóc hay lúa với chủ. Họ lại còn phải nhờ chủ-điền thường thường cho vay, hoặc chủ cấp cho, nên giữa chủ-điền với tá-điền có rất nhiều điều khác (2). Trong bài này, tôi xin nói về những điều khác nhau giữa chủ-điền và tá-điền.

Trung-châu Bắc-kỳ ước chừng được 586.000 nhà nông, có dưới 1 mẫu ruộng, 283.000 nhà nông có từ 1 đến 5 mẫu ruộng, 60.000 nhà nông có từ 5 đến 10 mẫu ruộng.

(Tạm theo những con số trong Economie agricole de l'Indochine của J. Henry). Ba hạng tiểu-nông-gia trên đây tự làm lấy ruộng. Số ruộng của họ tổng cộng được chừng 1.800.000 mẫu. Vậy ở trung-châu xứ Bắc này còn có 1.000.000 hộ tá-điền, mỗi hộ có từ 1 đến 5 mẫu ruộng. Đại-điền-chủ cần phải phải canh cho các tá-điền.

(1) Giá mua mẫu hiện nay rất cao, có chỗ tới 120\$ cho một mẫu ruộng (2) Trong hai trường hợp : bán mẫu hay lĩnh canh, chủ-điền đều vẫn đóng thuế điền cho Nhà Nước.

Tính chung bình nếu mỗi tá-điền nhận cấy 5 mẫu ruộng thì sẽ có từ 200.000 đến 250.000 gia đình vô sản, phải cấy cấy ruộng người ta để mong kiếm miếng cơm, manh áo. Xét ra, toàn thể dân quê ta gồm về 3 phần từ chiêm đa số là : (1) Bọn tiểu-nông-gia có vài ba mẫu ruộng, (2) Bọn vô sản đi làm ruộng công, (3) Bọn tá-điền lĩnh canh ruộng của các chủ ấp.

Trong các ấp, một phần lớn tá-điền là những dân làng xung quanh trước kia, chủ-điền đã cầm quyền bán hết ruộng của mình cho chủ-điền. Ngày nay không còn một tá-điền nào nữa, chỉ còn những ruộng đã bán ấy để cấy cấy. Một phần tá-điền khác là những người vô sản, ở phương xa đến đây làm tá-điền ruộng, trả cho chủ-điền một nọp thóc hay lúa. Chủ-điền cũng cần những tá-điền để cấy cấy ruộng, nên chủ-điền phải trả tiền cho họ. Chủ-điền cũng cần những tá-điền để cấy cấy ruộng, nên chủ-điền phải trả tiền cho họ.

Lĩnh canh ruộng của chủ-điền, họ phải nộp thóc hay lúa cho chủ-điền. Nếu cấy nọp, thì chủ lấy từ 1 đến 4 tạ thóc, tùy theo ruộng xấu, tốt. (Nói theo tạ thóc cho dễ hiểu, cho ở miền Bắc, miền Trung, miền Nam, mỗi nơi có một đơn vị đo lường khác nhau). Có thùng thóc cân được 12kg hoặc 15kg; có phương hay nôi cân được 20kg hoặc 25kg, không nhất định nào cả (3).

Nếu cấy rẽ, đến vụ gặt được bao nhiêu lúa, chủ-điền lấy một nửa, còn nửa kia cho tá-điền. (3) Có nơi nôi thóc và nôi gạo cũng không bằng nhau. Thí dụ, ở chợ Thái-nguyên, 1 nôi thóc : 20 đấu ; 20 kg ; 1 nôi gạo : 10 đấu = 13 kg.

hoặc chia đất chủ một nửa, tá điền một nửa; hoặc chia ba chủ lấy hai. tá điền một. Muốn chia lúa có nhiều cách: một qđ ruộng cho tá điền, tá điền phải gặt tất cả ruộng; Gặt xong đem nộp, chia ba, chủ gánh phần ba, tá điền chịu hai phần ba. Đem gặt xong ra chợ bán, chủ gánh phần ba, tá điền gánh phần hai. Chủ cho tá điền ruộng để nhổ lúa, cấy lúa; chủ điền nhận lúa tá điền phải gặt nửa ruộng của chủ, trừ công

gánh lúa, rẽ cho chủ. Nửa ruộng mình gặt, trừ công, tá điền gặt đất cả ruộng, về nhà chủ đem phơi, quay xong, gặt thóc, chia thóc, gạo này thường dùng, thì gạo tá điền đã vay, mượn của chủ nhiều, và chủ liệu chừng sự đòi hỏi sẽ khó khăn.

Thường thường các chủ điền đều cho cấy rốp theo giầy lĩnh canh, nửa tá điền đã ký nhận. Chỉ ở các ấp nhỏ và những nơi ruộng xấu mới dùng cách cho cấy rẽ. Vì phải có nhiều người trong năm mới chia thóc lúa được. Nếu các ấp to cũng cho cấy rẽ thì sẽ có nhiều sự mất mát, trông nom không xiết được. Và chẳng bởi ruộng xấu nên tá điền không dám lĩnh cấy nộp, e rằng đến khi gặt chỉ đủ thóc nộp cho chủ, còn mình mất công không. Chỉ bằng cấy rẽ, xấu tốt đến khi chia lúa sẽ được ít nhiều.

Ở những nơi ruộng có thể cấy được hai mùa, hoặc trồng màu được: ngô, khoai, lạc, thân đậu, thì hoặc cũng có chủ điền chỉ dành thuê một vụ, hoặc có chủ điền dành thuê cả hai. Lễ tự nhiên nếu chủ điền có một vụ thì thuê mùa tháng 10 sẽ dành hàng gặt lên. Vì vậy tại nhiều nơi đất bạc điền rất xấu, sau kỳ gặt tháng 10 rồi, nộp thuế cho chủ, tá điền không còn được bao nhiêu thóc nữa. Họ chỉ còn trông mong vào vụ đầu-dau hay khoai, đỗ mà họ được ăn cả thời vụ.

Xem vậy, ở xứ ta lon tá điền phải nộp cho chủ ruộng từ 50% đến 75% số lợi tức thu được sau những kỳ vát và suốt 6, 7 tháng trời (4).

Ngoài ra, nếu tá điền lĩnh trâu của chủ về làm ruộng thì phải nộp thuế trâu từ 2 đến 3 tạ thóc. Trừ hai món thuế ruộng và thuế trâu, tá điền thường vẫn vay thóc giống, thóc ăn và tiền để tiêu trong vụ cấy.

Các chủ ấp phát thóc giống cho, độ 20kg, hay 25kg để gieo chừng 1 sào đám mạ, tức thì để cấy một mẫu ruộng. Số thóc giống vay ấy tính

không tính lãi, nhưng các chủ ấp thường xài qđ thành tiền theo giá tháng tại tháng năm, lúc gặt, hay rất cao, để bán trả vào khoảng tháng 10, theo giá thóc rất hạ. Thời điểm cho vay thóc thóc 6\$00 một thùng, tiền thóc rẻ hơn 6\$00 một thùng. Khi lãi vào khoảng tháng 10 thì thóc 0020. Lãi rất cao, nên người ta thường phải lấy lãi, nếu lãi quá cao thì tá điền thì cần phải đem ra bán ngay lấy 6\$00 để chi tiêu các khoản cần thiết. Nhưng đề sang vừa thóc của ông chủ hay bà chủ thì được để dành tới mùa xuân sang năm, cho lúc thóc gạo kém sẽ bán được tới 12, 13 đồng.

Hay ông, bà, tá điền, chủ ruộng ở đây vay thóc ăn cũng vậy. Bật cứ vay của chủ hay của người ngoài, đều phải chịu lãi một tháng rưỡi, hoặc một tháng hai. Vay 10 thùng phải trả thành 15 hoặc 20 thùng. Còn như vay tiền, chắc không ai còn là gì ở xứ ta, còn nợ phải trả lãi tháng từ 4 đến 10 phần, tính dòng niên ra 48% hay 120%. Có một ông chủ ấp đã nói với tôi rằng: « Ở thôn quê ta, các nhà giàu cần phải cho vay nặng lãi, mới để thu nợ. Vì kẻ cùng dân đi vay chi phí, chăm lo trả cho mau xong những món nợ để nhiều lãi. Nếu cho vay nhẹ phần, ít hàng năm họ chỉ trả số lãi nhẹ ấy. Còn gốc thì cha truyền con, con truyền cháu cũng vẫn chưa chịu trả ». Điều ấy không biết có đúng hay không, nhưng ở đây dân nghèo được phần nào chăng?

Ngoài việc gieo ruộng, trâu, bò và cho vay, thóc ăn, thóc giống, v... v... một đôi khi chủ ấp còn cho tá điền vay tiền để mua voi, mua phân bón hoặc chủ mua cốt-phát để cấp cho tá điền, chủ ruộng.

Nhưng lãi của tá điền đều đã nợ, nên những chủ ruộng rất ngại cho vay thêm tiền để mua phân bón. Và phần điền tốt tuy vẫn hiểu rằng có thêm một mẫu vát chue gánh phần 2, hao cốt-phát hay vát ta với thì lúa sẽ tốt. Nhưng họ cũng thu ông, nghĩ: công nợ đã nhiều, càng vay thêm món nào càng phải mất lung ra làm để chi trả nặng lãi. Và chẳng 75% lúa gặt được đã phải nộp cho chủ vì thuế lợi điền, vì công nợ, thì dù có chăm bón, lợi lộc về phần họ cũng chẳng được bao nhiêu, mà vốn bỏ ra để mua phân, họ phải chịu cả, vay

(4) Lượng ở xứ ta phải được từ 2 đến 8 tạ một mẫu.

chẳng tội gì chăm bón, sỏi. Thành ra ở nhiều nơi, hàng ấp chủ cấy cấy đã từ mười lăm năm, đất mỗi ngày một kiệt, lúa mỗi ngày một xấu. Thiết tưởng các chủ ruộng nên nhận rõ điều bất công ấy, và nên cấp phân bón cho tá-diên theo cách chủ cũng chịu một phần bổ vốn. Thi dụ mỗi mẫu cấp cho 6\$00 để mua một tạ cốt-phát thì cuối năm chỉ bắt tá-diên trả một nửa 3\$00.

Xét ra ở Bắc ta, ruộng ít người nhiều, dân số tăng rất nhanh (10.000 người trong một năm). Trước kia, dân quê đã phải tranh dành nhau mới có được mỗi người từ vài ba sào đến dăm mẫu ruộng. Từ ngày có phong trào đại-nông, các nhà tá-diên lập nên những ấp hàng trăm, hàng nghìn mẫu thì số dân vô-sân thêm nhiều ra. Những kẻ vô-sân ấy chẳng mong gì hơn được xin làm tá-diên ở một ấp hay đồn điền, để có ruộng cấy cấy, có việc làm và kiếm đủ miếng ăn. Nhưng ở một xứ chưa có những điều luật nông-phổ định rõ thể lệ cho lĩnh canh ruộng, những quyền lợi của chủ-diên và tá-diên, thì quyền cất đặt đều tùy theo ý riêng của chủ ruộng cả. Vì thế một phần rất lớn các dân nghèo đến làm tá-diên các ấp đều bị khốn đốn vì thuế lợi điền nặng, vì công nợ nhiều, luẩn luan năm nợ qua năm kia. Lắm khi họ bị coi như những nô lệ quanh năm đem hơi sức ra bồi đất lấy thóc làm giàu cho chủ còn họ thì may ra được mỗi ngày một bữa cơm. Và cũng bởi thế giữa chủ điền cùng tá-diên, thường không có sự vui lòng cộng-tác và chu cấp cho nhau. Chủ ruộng chỉ chăm chăm lo tá-diên không nộp đủ thóc thuế, thóc nợ. Tội vụ gặt thường cho đòi hỏi rất riết-róng. Nhiều khi chủ bắt tá-diên gặt tất cả về sân ấp, đập, phơi được bao nhiêu chủ gặt lấy thuế và nợ trước đã. Nếu được thừa ra mới cho tá-diên đem về. Chẳng may nếu chỉ vừa đủ, át-diên-tốt phải trở ra tay trắng, coi như làm ruộng hộ chủ, suốt năm lấy miếng cơm ăn, không công xá má thối. Chẳng may hơn nữa, nếu nộp hết cả thóc rồi, vẫn còn nợ chưa trả đủ, thì phải làm văn tự viết thành nợ vay lại hạn năm sau sẽ trả. Từ sự bất gặt hứa của ấp để thu trước lấy thuế và công nợ đến

sự tham lam tàn nhẫn của một số ít chủ-diên cũng gần lắm. Họ thu được tất cả thóc rồi, chỉ cho hàng ấp đem về chừa mười lăm thùng đủ ăn gặt thôi, chớ họ không tính toán thu nhất định mỗi mẫu là bao nhiêu. Nếu kẻ tá-diên này bị thiệt thòi bỏ đi thì dân nghèo cần ruộng cấy cấy sản lắm, họ chiêu mộ chẳng khó gì.

Đã có những chủ điền nghiệt-ngã, tham lam ắt phải có những tá-diên gian-giảo. Họ sợ chủ ấp thu lấy tất cả thóc nên họ gặt trộm đem giấu thóc đi. Đến khi chủ ấp thu không đủ thuế và nợ thì họ ý ra và tìm cách bỏ đi ấp khác. Tại những ấp chủ ở xa không trông nom đến bọn tá-diên luôn được thì sự thu-hoạch rất khó. Có một hạng tá-diên chỉ cốt vay được thóc giống, thóc ăn và lĩnh được trâu. Tới ngày mùa, họ đem con trâu ấy đi cày bừa thuê ruộng cho người khác, mỗi ngày kiếm từ 1\$20 đến 2\$50. Cuối mùa họ mới quay về làm vôi vàng đổi lấy những ruộng của chủ ấp đã cho họ lĩnh canh. Sau này lúa tất nhiên xấu vì cày bừa dối và cấy muộn, thì họ tìm cách lần tránh không chịu nộp đủ thóc cho chủ. Nếu cần, họ bỏ trốn đi.

Chính bởi giữa tá-diên và chủ ấp không có bụng tin nhau nên chủ không dám phóng tiền, phóng thóc ra chu cấp cho tá-diên và tá-diên cũng chỉ làm ruộng thử một hai vụ để lại kéo đi nơi khác, nên họ không tận tâm làm cho ruộng mỗi ngày một tốt thêm ra, không phân bón, không đắp bờ coi cẩn thận, cây bừa rồi... Xét ra vấn đề « chủ ruộng với tá-diên » cũng là một vấn đề quan trọng về phương diện dân-sinh và kinh-tế nông-phổ. Chủ điền là người có của; tá-diên là kẻ có công; nếu họ hiểu nhau hơn, tin nhau hơn, nếu chủ điền chịu trông nom và thương tới bọn lưu dân phiêu-bạt bốn xứ đến nương cây mình, đánh thuế nhẹ nhàng với cho vay ít lãi đi; nếu tá-diên biết tận tâm làm với chủ, coi ruộng và trâu của chủ như của mình, cày bừa kỹ, chăm bón sỏi, bờ cõi giữ gìn, thì có lẽ số phận bọn dân nghèo đi lĩnh canh ruộng được khá hơn đôi chút. Do đây ruộng nương ở các ấp mỗi ngày cũng được tốt thêm ra.

Điều cốt-yếu đáng chú ý là sự đánh thuế nặng nề. Phần tất cả các món thuế ruộng, thuế trâu, nợ thóc giống, thóc ăn... gộp lại trả hết thì sau 6, 7 tháng trời nhọc nhằn vất vả, — từ tháng tư đến tháng 10, — bọn tá-diên chỉ còn giữ được từ 10% đến 20% số hoa-lợi của mình đã cùng vợ con lao-khổ mới kiếm được.

Sở dĩ các chủ điền thường đánh thuế ruộng rất cao, chính vì ruộng đất ở xứ ta rất đắt. Không nói chỉ tới vì giá thóc từ khoảng 1940 đến nay cao lên vùn vụt nên giá ruộng cũng tăng lên theo một nhịp. Ngay từ trước hồi này giá ruộng cũng đã tới 600\$00 một mẫu và ruộng xấu cũng phải 30\$00. Trừ ra nếu chủ ruộng dùng lối cầm, đợ hay điền-mại, thì họ có thể tậu được 15, 20\$ một mẫu. Khi ấy giá thóc độ 6, 7\$ một tạ. Vậy ruộng tốt nộp 3 tạ được 21\$, ruộng xấu 1 tạ được 7\$, tính lãi đồng niên chỉ được từ 5% đến 25%, so với cho vay lãi được từ 48% đến 120%, hoặc 180% thì chẳng thấm vào đâu.

Tại sao ruộng ở xứ ta đắt đỏ như vậy? Một nguyên do bởi sự chặt đất, nhiều người ở giữa trung-châu xứ Bắc này. Hàng nghìn nhân-khẩu tranh dành nhau miếng ăn trên một cây số vuông, tất nhiên ruộng phải đắt... Và chạy-trong một xứ mà nền kinh tế còn ở vào thời kỳ nông-bản, người ta vẫn coi thửa ruộng là một thứ bất-động-sản có giá-trị hơn tất cả mọi thứ khác... Những nhà giàu thừa tiền chỉ tìm ruộng, tìm ấp để tậu, coi như đem tiền để dành một cách rất chắc chắn. Trừ ra mấy năm kinh-tế khủng hoảng hồi trước, lại là một trường-hợp đặc biệt khác. Gần đây, giá thóc lên tới 45\$ một tạ. Giá ruộng cũng vọt lên từ 100\$ đến 2000\$ một mẫu. Các chủ ấp cho cấy nộp lấy thóc lĩnh lãi ra cũng chỉ được từ 7% đến 45%.

Vậy muốn tìm cách khiến cho các chủ ấp vui lòng đánh thuế lợi-diên nhẹ xuống, cho các tá-diên được mát mặt đôi chút cũng là một câu chuyện phiền phức khó giải quyết.

Muốn cho thuế lợi-diên hạ xuống tất giá ruộng tậu cũng phải hạ. Muốn cho giá ruộng hạ, ắt phải có thửa ruộng bán, nghĩa là ở xứ ta phải tìm thêm đất để trồng giọt hoặc san bớt dân đi nơi khác. Nhưng chúng ta từng thấy rằng công cuộc di-dân đi khai khẩn mạn trung, thượng-du

xứ Bắc-kỳ, và vào các tỉnh phía tây Nam-kỳ, đã bắt buộc các nhà cầm quyền xứ này rức đầu, một óc từ lâu mà tới ngày nay người ta vẫn còn phải chờ đợi một hiệu quả chưa biết bao giờ sẽ đến.

Hoặc giả, Nhà-nước đặt ra các điều luật nông-phổ, bắt buộc các chủ ấp không được thu thuế lợi-diên quá 25% hay 30% số hoa lợi hàng năm. Nhưng trình-độ kinh tế và dân-trí xứ này đã đến lúc có thể đem thi-hành các nghị-định để áp dụng cách giải-quyết ấy cho có hiệu-quả được chưa? Phạm vi đất này không đủ cho ta trả lời rõ ràng câu hỏi ấy.

Còn một cách nữa may ra có thể khiến cho người tá-diên, sau một vụ nặng mưa lam-lũ, còn đem về đồng-cót được đủ thóc ăn. Cách đó, tức là chấn chỉnh nghề nông cho ruộng tốt hơn lên, cho mỗi mẫu đáng lẽ được 4 tạ thóc sẽ được 7, 8 tạ. Ruộng đã tốt mà nếu lại cấy được hai mùa hoặc trồng được màu mới thì chủ ấp đánh thuế nặng, tá-diên vẫn có lợi. Thí dụ ruộng xấu mỗi mẫu gặt được 4 tạ : chia đôi tá-diên được 2 tạ. Ruộng tốt mỗi mẫu được 8 tạ : cũng một cò-g cấy hừa trong 6, 7 tháng trời mà họ sẽ được những 4 tạ thóc. Dân nghèo được xuất lực ra lấy công làm lãi, nếu được đổi ra mỗi mẫu 2 tạ thóc như thế, họ có thể được mát mặt lắm rồi.

Vả chẳng nếu tất cả 4 việc : nước, phân, cày giống, đều chỉnh bị được, tức ruộng xứ này có thể xuất sản được bằng ruộng các nước ngoài (25, 30 tạ một mẫu tây) thì chẳng những một hạng dân nghèo tá-diên được nhờ mà toàn thể nông-dân được lợi.

Nhưng ruộng ở xứ này có thể trở nên tốt được như hi-vọng ấy không? Rất có thể được, song đó là cả một chương trình, phải nghiên cứu. Chỉ bao giờ đại đa số nông gia đều có học thức, am hiểu nghề nông theo lối khoa-học thực hành, biết yêu quý nghề nông, tận tụy với nghề nông, ham mê việc trồng giọt, cấy cũng như ta hằng mãi miết tìm lối đi làm quan, làm công-chức thì lúc đó chúng ta mới có đôi chút hy-vọng chấn-hưng được nghề nông để dần bước theo, kịp người.

Nghịêm xuân YEM

Chính phủ can thiệp

Vào kinh tế

VU VĂN HIỂN

Nhiệm vụ cốt yếu của chính-phủ là giữ cuộc trì-an cho quốc-dân ở trong và ở ngoài, đó là điều mà ai cũng công nhận. Nhưng ngoài cái nhiệm-vụ ấy, chính-phủ có cần và có nên can-thiệp vào công-cuộc kinh-tế hay không? Công-việc sản-xuất, tiêu-thụ, chuyển-vận các sản-vật có nên coi là công-việc dành riêng cho tư-nhân hay không?

Để trả lời những câu hỏi đó, đã từ bao nhiêu thế-hệ nay, phái chủ-trương thuyết quốc-quyền (étatisme) và phái chủ-trương thuyết cá-nhân hay tự-do (individualisme ou libéralisme) đã bàn cãi nhiều mà vẫn chưa phân-biệt phải trái.

Phái trên thì cho rằng chính-phủ cần phải nắm chắc trong tay những cơ-quan kinh-tế. Có như thế thì mới hướng-dẫn, chỉ-huy được sự sản-xuất cho hợp với quyền-lợi chung của xã-hội và quốc-gia. Nếu để cho tư-nhân tùy-lý tổ-chức kinh-tế thì ai cũng vụ tư-lợi mà sao nhãng việc ích-chung và vì thế phần đông trong xã-hội sẽ bị một thiểu-số lợi-dụng, bóc lột, áp-chế rồi những tự-do về chính-trị mà họ được hưởng sẽ vì thiểu-thế-lực và tự-do về kinh-tế mà thành ra những hư-danh không có hiệu quả thiết-thực.

Trái lại, phái chủ-trương thuyết cá-nhân thì nói rằng chính-phủ can-thiệp vào kinh-tế chỉ gây sự hỗn-loạn mà thôi. Muốn làm một công-việc gì, chính-phủ cũng phải dùng những viên-chức là những người ăn lương của công-quỹ để làm một việc mà họ không chịu trách-nhiệm một cách trực-tiếp. Nếu để chính-phủ can-thiệp vào kinh-tế thì số viên-chức sẽ tăng gấp-lên, thuế khóa sẽ phải tăng nhiều, mà có ích gì? Người ta đã-nghiệm thấy rằng nhiều khi những viên-chức ấy chỉ làm cho đủ lệ để lấy lương, họ thiếu sáng-kiến vì phải làm việc theo những nếp cũ mà các công-sở nào cũng sẵn có; nhiều khi họ kinh-nghiệm kiến-thức chuyên môn và nhất là luôn luôn thiếu sự khuyến-khích của tư-lợi: một tư-nhân trông coi một công-sự riêng của riêng mình sẽ tìm hễ cách để rút tiền chi-phí, cải cách lỗi-chê-tạo để được thắng-lợi trên thị-trường, để kiếm nhiều lãi; một công-chức coi một sự-ông nhà nước cố gắng hay trễ-ãi thì lương tháng vẫn có chừng, dầu có lương tâm nhà nghề đến đâu cũng vẫn không có tinh-thần hy-sinh và sự hăng-hái của người làm việc riêng cho mình, ấy là không kể

chỉ khi họ còn bị chấp-nhận vì sự thăng giáng, thưởng phạt nhiều khi không phải là do ở sự làm việc mà lại do ở sự được lòng hay-méch lòng người trên.

Đó là tóm tắt đại-cương những lý-nhẽ của hai chủ-nghĩa quốc-quyền và tự-do.

Nếu ta gác bỏ những lý-nhẽ ấy ra ngoài mà chỉ nhìn rõ sự thật qua lịch-sử thì ta thấy ngay từ giữa thế-kỷ 19 là lúc chủ-nghĩa tư-bản và tự-do đương toàn-thịnh, quốc-gia cũng đã can-thiệp vào kinh-tế. Từ giữa thế-kỷ 19 tới nay sự can-thiệp ấy chỉ mỗi ngày một tăng.

Những nguyên-nhân làm tăng sự can-thiệp

Những nguyên-nhân làm cho quốc-gia càng ngày càng tham-dự vào kinh-tế rất phức-tạp.

Trước hết, có nguyên-nhân về tài-chính. Ai cũng phải công-nhận rằng bộ máy chính-phủ trong một nước tân-tiến rất phức-tạp và tốn-tiền. So với những ngân-sách bà-y giờ những ngân-sách các ông vua xa-si và hiện-chiến nhất gây xưa cũng không thấm vào đâu! Đó là vì ngày nay một nước có nhiều công-sở và phải làm nhiều việc hơn ngày xưa. Đã tiêu nhiều tiền thì phải tăng thuế và vì thế gián-tiếp bắt-buộc giá các nguyên-liệu và sản-phẩm phải tăng theo. Nhưng tăng thuế cũng không đủ nên ở xứ nào, nhà nước cũng giữ độc-quyền ít hay nhiều kỹ-nghệ để lấy thêm số thu cho ngân-sách. Thí dụ: ở Pháp, chính-phủ giữ độc-quyền kỹ-nghệ tằm và bán thuốc lá cùng thuốc súng; ở Ý từ 1912 chính-phủ giữ độc-quyền bảo-hiêm sinh-mệnh v. v. Ngoài những nhẽ về tài-chính lại có những nhẽ về kinh-tế.

Khi nền kỹ-nghệ trong nước mới phát-khởi, chính-phủ thường phải trực-tiếp khuyến-khích và bảo-vệ thì mới tránh được sự diệt-vong do sự cạnh-tranh ở ngoài đưa lại.

Xem qua lịch-sử kinh-tế thế-kỷ 19, ta thấy nhờ có chính-tách bảo-vệ của hoàng-đế Napoléon trong hai chiến-tranh với nước Anh mà rất nhiều kỹ-nghệ mới nảy nở trên đất Pháp; sau 1830, khi kỹ-nghệ Anh và Pháp đã thành-lập một cách vững-chãi rồi, không sợ cạnh-tranh với ngoài nữa, tại hai nước ấy mới có phong-trào cổ-động

chủ nghĩa tự-do giao-dịch. Nhưng sự cố động ấy không có ảnh-hưởng gì đến chính-sách của Đức và nhất là của Hoa-kỳ là hai nước từ nửa sau thế-kỷ 19 mới bắt đầu kiến-thiết nền kỹ-nghệ của mình.

Khí nước đã kỹ-nghệ-hóa xong, chính-phủ vẫn còn phải luôn luôn ủng-hộ các ngành kinh-tế, vì muốn cho sự sản xuất được tiến-bộ và kế-tiếp, các sản-phẩm phải có một thị-trường. Chính-phủ nào cũng nghĩ ngay cách dành riêng cho nó thị-trường trong nước và ủng-hộ nó trong sự cạnh-tranh trên thị-trường ngoại-quốc. Từ giữa thế-kỷ 19 trở đi, những nước lớn bên Âu-châu đều đã lần lượt kỹ-nghệ-hóa, sự cạnh-tranh càng gay gắt và sự ủng-hộ của chính-phủ lại càng cần.

Không những thế, cũng từ hồi ấy, theo lệ tiến-hóa, các công-sường tư-bản đều tập-trung dần thành những cơ-quan đồ-sộ hơn hàng nghìn hàng vạn thợ đồng thời những hội vô-danh, những ngân-hàng kiểm-soát từng khu-vực trong nền kinh-tế, sự cạnh-tranh ngày ở trong một nước cũng thành ra một vấn-đề đáng lưu-tâm: nó có thể gây ra những cuộc khủng-hoảng làm cho hàng vạn người mất công ăn việc làm và làm cho tiêu-tài bao nhiêu sự cố-gắng cũng bao nhiêu tư-bản. Trước tình-trạng ấy người ta lại thấy cần uy-quyền của nhà nước để bắt buộc các tư-nhân phải thỏa-hợp và bớt sự cạnh-tranh tàn-khốc. Khi trong một ngành, không còn nhiều nhà sản-xuất tranh nhau mà chỉ còn một hội hay một nhóm nắm độc-quyền thì quốc-gia lại phải đứng ra để kiểm-soát, để định-lệ ngăn cản, không cho họ lợi-dụng độc-quyền mà bắt chẹt người tiêu-thụ hay làm những việc trái với quyền lợi chung.

Kỹ-nghệ càng tập-trung thì quốc-gia càng phải tham dự vào kinh-tế.

Về phương-diện xã-hội thế-kỷ 20 thấy xuất-dịch một thứ quyền-lợi mới là quyền-lợi của số đông, của quần-chúng (droit des masses).

Quần-chúng đây gồm có những thợ kỹ-nghệ, những nông-phu, những tiền công-nghệ, những trí-thức đi làm công, tất cả những người đã bị cuộc tiến-hóa của tư bản làm cho mất quyền sở-hữu những khí-cụ dùng về việc sản xuất, và nay chỉ còn lấy sự cần-lao để nuôi sống mình và gia-dình mình. Họ là số đông trong xã-hội. Không một công-đoạn sản-xuất nào không qua tay họ, tuy rằng họ không được hưởng lợi-lãi; khi quốc-gia hữu-sự thì họ là những người chịu hy-sinh nhiều nhất, vì họ phải hi-sinh tính mệnh trên mặt trận.

Từ cuối thế-kỷ 19, quần-chúng các nước tư-bản càng ngày càng nhận thấy rõ ràng địa-vị quan-trọng của mình và dần dần tổ-chức thành các cơ-quan có thế-lực. Họ có nhiều ý-nguyên và đề-dặt được những ý-nguyên đó họ có thể gây những cuộc rối-loạn hay khoanh tay nghỉ việc để hăm cả bộ máy kinh-tế của xã-hội.

Vì thế nên từ cuối thế-kỷ 19, vấn đề lao công thành ra một vấn đề gay go, khó giải quyết nhất trong xã hội tư-bản. Năm 1919, ở Versailles sau cuộc Đại chiến trước, lần

đầu tiên trong một bản hợp ước quốc tế người ta đã thấy lập một phòng quốc tế lao động (Bureau International du Travail) và lần đầu tiên các cường quốc thắng trận tuyên bố hứa rằng sẽ tìm cách để bảo đảm cho phái công-lao Đao-giê cũng có việc làm và lương ăn. Mười tuyên bố ấy có một ý nghĩa sâu xa: nó tỏ ra vấn đề lao động đã thành ra một vấn đề quốc tế và cả xã-hội Âu tây đều công nhận cho giai cấp cần lao cái quyền được sinh sống một cách xứng đáng với công việc họ làm.

Vậy ta không nên ngạc nhiên khi thấy hơn năm mươi năm nay ở các nước tư bản, chính-phủ phải đặt lệ, khuyến khích, chỉ tiêu, hòa giải, thay đổi chính sách chỉ vì muốn tránh nạn thất nghiệp cho quần chúng hay giữ chỗ lao công vẫn giữ được mức sống hàng ngày.

Một thí dụ trong trăm nghìn thí dụ khác: năm 1931, hàng hóa Anh không xuất cảng được vì giá sản xuất so với ngoại hóa cao quá, mà số dư giá sản xuất cao một phần lớn vì lương thợ Anh cao hơn lương thợ các nước khác ở Âu châu nhiều. Muốn khuyến khích sự sản xuất, Chính phủ Anh có thể tạm gác bỏ bộ luật lao động nặng nề và tốn kém cho nhà sản xuất hay là làm sụt giá đồng bảng Anh (livre sterling) để cho giá vốn hàng hóa Anh tính theo tiền ngoại quốc rẻ đi như thế sự xuất cảng sẽ tăng lên. Chính phủ Anh đành theo chính sách thứ hai: bỏ kim bản-vị đồng bảng Anh để khỏi phải động đến quyền lợi lao động.

Đó là một việc tội quan-trọng trong lịch-sử kinh-tế châu Âu vì đã hơn một thế-kỷ, London vẫn được coi là trung tâm-diêm của nền kinh-tế tư-bản và đồng-bảng Anh, luôn luôn có thể đổi lấy vàng, đã thành ra một đồng tiền chung cho cả xã-hội quốc-tế hiện-dại. Bỏ kim-bản-vị, tức là nhà Anh-quốc ngân-hàng không đổi vàng lấy tiền bảng nữa mà để cho đồng bảng tùy theo luật cung-cầu mà tăng-hạ. Sự giao-dịch quốc-tế vì thế mất một mực-thước nhất định và nước Anh mất nhiều uy-thế về kinh-tế với các nước.

Thật ra thì nhiều khi chính-phủ không thể bỏ qua những điều thỉnh-cầu của phái lao công được. Từ giữa thế-kỷ thứ 19, các nước Âu-tây đều dần dần tổ-chức theo chính thể đại-nghị; trong nước nào dù là quân-chủ hay công-hòa, uy-quyền đều cần cứ vào quốc-dân, và mỗi người dân là một cử-tri. Quần-chúng vì thế thành một sức mạnh về nội-trị có thể uy-hiệp nhà cầm-quyền bằng cách gây dư-luận phản đối ở trong nước hay bằng cách không tín nhiệm chính-phủ trong các nghị-viện. Ở Anh chính-phủ đã quyết định bỏ kim-bản-vị năm 1931 là chính-phủ do đảng chính-trị lao-động đứng đầu.

Ngoài những nhẽ về tái chính, kinh-tế và xã-hội kể trên đây, từ sau hội Đại chiến 1914-1918, các nước Âu tây lại còn can thiệp vào kinh-tế và những nhẽ thuộc về chính-trị hay binh-bị của những nước bị đánh bại. Trong hội Đại chiến, sự giao thông thành, khó khăn và nguy hiểm, các nước vẫn chuyên sản xuất riêng về mặt kỹ-nghệ quan trọng mà đã không để ý đến các ngành khác đều đã qua một cuộc khủng hoảng, đáng lo

Nuoc Xiêm đã giúp Nguyễn Anh đánh Tây-Son như thế nào?

(1780 – 1788)

NGUYỄN TRIỆU LẬU

Năm Canh-tý (1780), Nguyễn-Anh lên ngôi vương ở Gia-Định, bửu khắc chín chữ: *Độc-Việt, quốc, Nguyễn chúa bình-trấn chi bửu*, chúa lấy niên hiệu là Gia-Long.

Nguyễn-Anh căn cứ vào xứ Đồng-Nai Gia-Định để trống cứ lại với Tây-Son. Đồng-Nai Gia-Định là đất mà ta đã chiếm của Cao-Man và đã đặt thành phủ, huyện từ năm 1697.

Trước Nguyễn-Anh, nước Cao-Man — cũng từ năm 1697 — đã chịu thần-phục nước ta. Nhưng, muốn giữ vững Gia-Định, ta đã phải bảo-hộ Cao-Man ta đã phải — biết bao nhiêu lần — đánh nhau với Xiêm vì Xiêm bao giờ cũng gièm ngó Cao-Man.

Vậy, cứ lý mà suy Nguyễn-Anh, sau năm 1780, một mặt phải trống với quân Tây-Son ở phía Trung-Kỳ đánh vào Gia-Định và một mặt phải trống với quân Xiêm ở phía Cao-Man đánh sang :

Nhưng lịch sử lại cho ta biết là Xiêm đã giúp Nguyễn-Anh đánh Tây-Son.

Tại sao Xiêm lại giúp Nguyễn-Anh ?

Xiêm đã giúp Nguyễn-Anh như thế nào ?

* * *

1

Năm 1781, Vua Xiêm là Trịnh-quốc-Anh sai hai tướng là Chắt-Tri và Sô-Si sang đánh Nặc-Ấn, vua Cao-Man.

Nặc-Ấn cầu cứu Nguyễn-Anh : tướng Nguyễn hứu Thụy và Hồ văn Lân bèn đem quân sang Cao-Man trống với tướng Xiêm.

Nhưng Chắt-Tri và Sô-Si, vì vợ con bị Trịnh-quốc-Anh đâm giết, xin hòa với quân ta để trở về Vọng-Các (kinh-dô Xiêm) trả thù : Trịnh-quốc-Anh bị giết và Chắt-Tri, Sô-Si lên làm vua.

Sử ta chép tóm tắt, trong *Quốc triều Chánh biên toát yếu*, như sau này :

Năm Nhâm-dìu thứ ba (1782), tháng giêng, sai trướng-cơ Nguyễn hứu Thụy cùng với Hồ văn Lân, đem thảy binh vào cứu Chắt-Tri (Cao-Man).

Khi ấy, vua Xiêm-La là Trịnh-quốc-Anh có bệnh điên, giam vợ con Chắt-Tri, Sô-Si ; bọn Chắt-Tri giận quá, sai người tới hội ước với ông Thụy để đánh vua Xiêm.

Thụy nghe lời.

Hôm sau, Thụy đi với mười tên lính hầu vào trong trại quân Xiêm ; bọn Chắt-Tri tiếp đãi rất hậu ; uống rượu đã say, rồi bẻ tấn cùng mà chém : Thụy cho Chắt-Tri ba cái đồ quý là : dao, cò và gương ; rồi về.

Gặp lúc nước Xiêm nổi giặc, Trịnh-quốc-Anh nghe có việc biến, vào chùa đi trốn.

Chắt-Tri về thành Vọng-Các, sai người giết Trịnh-quốc-Anh, tự lập làm vua, gọi là Vua Phật, phong cho em là Sô-Si làm vua thứ hai, cháu là ma-lặc (ma-lặc là một chức quan ở Xiêm) làm vua thứ ba. Mấy ngày rồi dân nước ta, khi trước bị Trịnh-quốc-Anh đày, bây giờ, tha cho về, bắt vua Vọng-Các, cấp tiền gạo cho mà hồi hương.

Thụy tàu việc ấy với Ngải (Nguyễn Anh) gả khiến đem quân về.

Vì thế cho nên nước ta và Xiêm, từ trước đến giờ, kinh-dịch lẫn nhau, đã thành ra thân-thiện—bề ngoài mà thôi — cho đến năm 1812, nghĩa là trong khoảng ba mươi năm. Sau năm 1812 cho đến khi người Pháp sang chính-phục nước ta và lấy Cao-Man làm xứ bảo-hộ, bao giờ Xiêm cũng tỏ tranh-dành Cao-Man.

II

Tháng ba năm Nhâm-dần (1782), Nguyễn-Nhạc và Nguyễn-Huệ vào cướp Cần-thơ và Sai-gòn.

Nguyễn-Anh chốn ra Hà-Tiên.

Tháng tám năm ấy, nhờ có Châu văn Tiếp đem binh lấy lại được Sai-gòn, Nguyễn-Anh trở về Sai-gòn : vì sợ Tây-Son hàng năm vào đánh, Nguyễn-Anh sai đem lễ vật tặng vua Xiêm, xin giao-hiếu.

Năm Quý-mão (1783), Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ lại vào đánh Sai-gòn.

Nguyễn-Anh và gia quyến chốn ra đảo Phú-Quốc.

Tháng bảy, Nguyễn-Huệ đem quân thủy vây ba vòng đảo Côn-Lôn : nhờ có bão tố làm đắm thuyền Tây-Son, Nguyễn-Anh trốn được.

Bên sai người mời Bá Đa Lộc — lúc đó ở Xiêm — đề nhờ nước Pháp cho quân cứu viện. Bá Đa Lộc và hoàng-tử Cảnh sang Pháp.

Cho đến cuối năm Quý-mão, Nguyễn-Anh trốn tránh ở trong vịnh Xiêm-la, từ đảo này sang đảo khác.

Năm Giáp-thìn tháng hai (1784), Nguyễn-Anh thể cùng, bèn sang Xiêm.

Sử ta chép như sau này :

« Nguyên khi trước bị thua tại sông Ngưu-Chữ, Châu văn Tiếp sang Xiêm xin binh ; vua Xiêm nhận lời, bảo Tiếp đi dâng núi mã vè ; rồi sai tướng Xiêm là Thát xĩ Đa đem binh thủy qua Hà-tiên, tiếng là qua cứu, kỳ thiệt ám-chức rước Ngài qua Xiêm ; Tiếp cũng có mặt-liều sai người đi theo binh Xiêm về tàu.

Ngài được biếu mừng lắm; liền vào Long Xuyên hội với tướng Xiêm.

Tướng Xiêm cố xin Ngài sang Xiêm, Ngài bất đắc dĩ phải theo, nhưng trước sai chánh-cơ Ngô công Quý hầu bà Quốc-mẫu và cung-quyển dời qua ở Thủ-châu (Củ lao Giêng, ở giữa sông Cửu Long),

Tháng ba, Ngài qua đến hành Vọng-Các ; vua Xiêm đón rước ngài cực kỳ lễ phép ; Ngài tự nghĩ buồn hực, không biết nhường nào.

Vua Xiêm nói rằng : « Chiêu nam cốc, (nghĩa là vua nhà trời nước Nam-Việt) sợ hay sao ? »

Ngài nói rằng : « Không phải sợ Nhà nước tôi trải đời truyền nối hơn hai trăm năm, bây giờ quốc vận trung suy, tôi thì ít đức không tài, không gìn giữ cơ-nghiệp được, vì thế mà buồn. Nghĩ muốn trả thù, bắt giặc Tây-Son làm thịt mà ăn, trải da mà nếm, dầu chết cũng cam tâm có sợ gì đâu ? »

Vua Xiêm nghe nói, cho là khẳng khái ; nhân hỏi việc nước ; nói chưa xong lời thì thấy Châu văn Tiếp ở ngoài đi vào, tới trước Ngài ôm đầu gối quý khóc mếu.

Vua Xiêm cảm động, nói với quần thần Xiêm rằng : « Chiêu nam cốc có người tôi như vậy, coi đó thời biết ý trời ». Bèn chịu giúp binh để lo việc khôi-phục.

Vua thứ hai Xiêm, nhân nói : « Năm trước có giảng-hòa với ông Nguyễn hữu Thụy đã ước thệ rằng : hoạn nạn phải giúp nhau, bây giờ xin giúp sức ». Rồi đem ra cờ, đao, gươm của ông Thụy tặng cho lúc trước để làm tin, hẹn ngày cử hành.

Tháng sáu, Ngài từ Xiêm đem binh về Gia-dịnh. Vua Xiêm sai cháu là Chiêu-Tăng, Chiêu-Sương đem 20.000 lính thủy, 300 chiếc chiến thuyền giúp Ngài,

Tháng bảy, qua quân lấy được đạo Kiển-giang. Vì phá quân đồ đốc giặc (quân Tây-sơn) là Nguyễn-Hòa ở Trấn-giang, kéo thẳng đến các xứ Ba-thía, Môn, Mân-thiết, Sa-déc, chia quân đóng giữ,

Vậy Nguyễn-Anh, nhờ quân Xiêm, đã luôn luôn thắng quân Tây-sơn.

Các tướng tá hồi trước tập nài một nơi đều dần dần tìm tới, như Lê văn Duyệt và Nguyễn văn K

Thắng trận luôn đều thắng chạp năm ấy. Nhưng sự cho ta biết thêm rằng: Ngải nghĩ binh Xiêm tấn-bạo quá, dân đều ta oán, muốn hủ quân về ».

Quân Tây-Son, thắng chạp-năm ấy chưa đề cho Nguyễn-Ánh lui quân Xiêm về, liền tới đánh :

« Tháng mười hai, Nhạc nghe báo tin nguy cấp, sai Huệ đem thuyền binh vào Sài-gòn. Nhạc, thời đem binh mạnh phục tại sông Sầm Giang và sông Xuy-Miệt mà dụ binh Xiêm ra đánh.

Tướng Xiêm là Chiêu-Tăng, Chiêu-Sương không biết địa-lý, lại quen thắng trận luôn, liền kéo quân xuống thẳng Mỹ-Thọ, gặp quân phục binh (của Tây-Son) chặn đánh, quân Xiêm thua, theo đường núi Chán Lạp chạy về.

Ngải sai 'Mạc tử Sanh' (con Mạc thiên Tứ) và và chánh-cơ Trung sang Xiêm báo tin »,

Nguyễn-Ánh thua trận, phải trốn ra Thổ-Châu, sau lại sang Xiêm :

Tháng tư năm Ất-Tỵ (1785), Ngải qua Xiêm đến thành Vọng-Các,

Vua Xiêm hỏi sự trạng bị thua, Ngải nói hết chuyện Tăng, Sương tàn-bạo, dân đều ta oán, cho nên thua. Xiêm vương giận, muốn chém Tăng, Sương, Ngải lại hòa giải rằng : « Hai tướng này có tội, nhưng việc nên hay không, cũng là tại trời, sẽ chờ cơ hội. Thời ! Xin tha cho bọn ấy ». Xiêm vương mới người giận,

Nguyễn Ánh ở Vọng-Các, dần dần thu thập tướng tá, chờ thời vận và cũng không muốn nhờ vua Xiêm giúp quân như nữa. Trái lại, Nguyễn-Ánh giúp vua Xiêm đánh quân Diên-Điện :

« Tháng hai năm Bình-Ngo (1786), có ba toán quân Diên-Điện xâm đất Sài-Mặc nước Xiêm.

« Xiêm vương đi đánh, xin ngải định mưu kế cho. Ngải nói : « Từ Diên-Điện đến đây, đường đi ngắn dậm, vận-tải quân-lương, công trình cũng đã khó nhọc. Tốt giúp sức cho; đánh chờ gặp thời chắc được ».

Xiêm vương lập tức tấn binh. Ngải đem quân giúp Xiêm, sai Lê văn Duân, Nguyễn văn Thành đi trước, lấy ống hỏa-hồ xô lửa ra đánh. Binh Diên-Điện sợ chạy, chết nhiều lắm, bắt sống đến năm trăm người.

Khi trở về, vua Xiêm đem vàng lụa làm lễ tạ. Vua Xiêm lại muốn giúp binh để thần phục Gia-Định.

Ngải bàn với các trớg. Nguyễn văn Thanh tâu rằng : « Xưa vua Thiếu-Khuông chỉ có một toán binh còn khôi phục được nhà Hạ, ta nên đợi sức chờ thời, việc còn làm được, chờ nên đem giặc vào trong nước ». Ngải cho là phải, không dùng binh Xiêm nữa ».

Như Nguyễn văn Thành đã dự đoán, thời gian đã giúp Nguyễn-Ánh.

Trong khi Nguyễn-Ánh ở Xiêm, nhiều việc rất quan trọng đã xảy ra ở nước ta và đã giúp Nguyễn-Ánh một cách gián-tiếp.

Tháng năm năm Bình-ngo (1786), Nguyễn-Huệ đánh đuổi quân chúa Trịnh. (Chúa Trịnh chiếm cứ Phú-Xuân từ năm 1774) Nguyễn-Huệ đánh đuổi đến tận Quảng-Bình.

Tháng sáu, Nguyễn hữr Chính đem quân Tây-Son đi dâng thủy ra thẳng An-Nam đô-thành (Hà nội).

Tháng bảy, vua Lê băng hà, con là Duy-Kỷ nối ngôi, đặt niên hiệu là Chiêu-Thống.

Thế lực Nguyễn-Huệ rất mạnh, từ Phú-Xuân trở ra Bắc-Hà, Nguyễn-Huệ muốn tự lập làm vua, bèn kẻ tội Nguyễn-Nhạc, đem quân về vây thành Quy-Nhơn. Anh em sau lại giảng hòa với nhau, nhưng Nguyễn-Huệ chiếm giữ từ Quảng-Nam trở ra đóng đô ở Phú-Xuân, tự xưng là Bắc-bình vương. Nguyễn-Nhạc lấy từ Quảng-Nghĩa trở vào cho tới Bình-Thuận, còn Nguyễn-Lữ thời giữ Gia-Định.

Tháng hai năm Đinh vị (1787) Tổng phúc Đam sang Xiêm kể tình trạng anh em Tây-Son chia rẽ cho Nguyễn-Ánh biết « Anh em Tây-Son tự làm hại nhau. Đặng văn Trấn (tướng của Nguyễn-Lữ) đã đem hết quân (ở Gia-Định) về cứu Quy-Nhơn (?). Bây giờ Gia-Định đơn nhược có thể lấy được ».

Nguyễn-Ánh, tháng bảy năm ấy, bèn ở Xiêm về :

« Từ năm Giáp-thìn (1782) bị thua về sau, biết Xiêm không giúp nổi, nếu giúp cũng vô ích nên

(Xem tiếp trang 16)

MOT ĐÊM RUOU

NGUYỄN LƯƠNG NGỌC

Tiếng chuông tắt lửa ở giáo đường đưa văng vẳng lên rừng như mấy tiếng. Từ một nhà bên xóm, còi sang lời nguyền dài. Các nơi khác vội dậy theo; cả mấy chót, như những tràng pháo giã thừa, lờ lờ dọc kinh nở rạn khắp làng mạc.

Ngoài giờ giờ đồng chao từng cơn. Hàng đầu cao vút đương quét ngọn dưới đám mây vật vờ...

Tiếng người đã nhỏ và thua dần. Vòng kim lạnh lan ra xa tít bờ lũy. Hãy còn vài cái hạt cửa, mấy tia sáng luà ra sân, nhưng rồi cũng tắt phụt, và thâu ờ như eo rúm trong đêm trường.

Lời, đã mơ mơ bên giấc ngủ, chợt có làn tay đã ngát nắm vào vai. Nàng được hai mi mắt lên thì thấy cái đầu ông chủ Nam tôi đang gật gù.

Lặng lặng tôi k các rình cái áo nỉ rồi theo chân ông ra lò. Cơn chó lòi mải sủa, cũng đập xuống thềm phẳng phạch.

Chúng tôi ngậm lời đi ven đường làng một quãng mới ra đến cánh đồng. Tôi rùng mình vì lạnh. Ông Nam vừa kẹp cổ áo thật kín đáo vừa khẽ nói: «Đầu vụ hè đến giờ, anh nhúng nước xem họ làm việc; thế mà ngày hôm nay rộn nhất thì anh lại nằm khoèo ở giường, đập nãi cũng chả dậy cho». Tôi toàn giả vờ lạnh: «Chỉ có chú mới thông thạo việc ấy chứ lâu thì ai cho liết mà biết. Bao nhiêu lần chú Lợn cho theo nhà hoá ra chú chủ lần đi một mình». Nhưng nghĩ mà không lên tiếng, sợ làm phật lòng ông chủ cũng trạc tuổi tôi song ở nhà quê, khôn ngoan và kín đáo hơn nhiều.

*

Từ cổng làng qua Cầu gồnh đến quán Đồi chông, tôi đi trong gió sương. Thỉnh thoảng thấy tiếng khua nước của mấy người nỏ mằm cau trề, hay lớt chày đập nên cỏ của những

chú kải xuống thêm đống. Đứng trước mặt, dãy núi đá lộ nhô vát ngang trời.

Tan ngày tôi còn mải chạy ra lối đi; đêm giã nở như thế này, đánh chỉ theo lớn gốc ông Nim thôi. Ông đưa tôi quanh eo rừng Lợn rồi một ít lâu rồi bắt đứng đợi. Ông chui vào một hốc đá tôi không nom rõ và bắt chước *lím líp* kêu kêu hai lần, chừng là một khẩu hiệu bí mật. Chím kêu thật khẽ mà tiếng dội cũng rền rĩ ở các gờ đá. Mấy cái gì vội nhẩy bồm xuống ruộng nước.

Có tiếng xì xào nhỏ nhỏ và một bản tay vẫy tôi lại.

Ở nhà ra đi, tôi có tưởng tượng điều tôi sẽ được xem. Song những cảnh mắt được ngắm hôm nay thật đã quá trí suy sết của tôi nhiều.

Mên sườn núi leo lên độ một cơn sào thì nhận ra cái cửa hang rộng lọt hai người. Lửa đỏ và khói phun xạ ra ngút như miệng hoả-diêm-sou.

Mà cũng lạ, ngày thường tôi qua lại chỗ này luôn, có bao giờ thấy hang hốc nào đâu. Hay là mình không tính ý, hoặc giả họ khéo che dấy cũng nên!

Tôi phải klem klem mới chui vào được. Eoi rượu nồng sặc bên trong đây tôi giật lại lại một lước. Ánh sáng làm loá cả mắt, chẳng nhìn ra cái gì hết, chỉ nghe tiếng nước reo, củi nổ và tiếng chân thỉnh thỉnh. Đồng lắm. Họ đông tới vài chục người; dần dần tôi mới tiếng rõ chữ, chỉ và nét mặt. Tuy có người lạ nhà họ vẫn im lặng, ai việc này. Tiệt tọng đống, giới đá luột, mà ở trong này họ toàn cúi trần, mặc quần đùi, có anh lại đống lố. Lớn lên là vậy dài áo cộc ngời ngời ở sáu bảy cái lớp. Đàn ông thì vút chố, người thì lác đác, người thì khuôn lữ. Rượu từ những nồi muối bốc qua mấy luồng hơi, chảy lòng lóng vào

những vại sành. Vì đốt lửa có nhiều nên một người đi lại thì tám chín cái bóng to lớn trước, sau, muả loạn trên tường đá. Không ngờ trong ruột quả núi Dị này lại như có một cảnh quỷ sứ nấu vạc dầu.

Mà so sánh thế có phần chưa đúng vì tôi vừa trông sang phía trái, bên cạnh hàng trăm dãy chái dựng đứng, hai vị tiên ông khan cao áo trùng đang ngồi đánh cờ tướng, đằng sau có mấy anh lính trống mác chực hầu. Tôi chợt tưởng đến những Khuôm tình, Chạp tình, đương cùng đồ đệ yêu ma quật lò hấp luyện kim đan.

Sự thực thì nhị vị địa-tiên đây — chú Năm tôi bảo thế — là ông chánh, ông phó của một hội, linh đơn các ông hoá chế kia chỉ là rợn lợu, đem bán và được tiếng khắp hàng huyện. Trông thấy tôi, một trong hai ông — ông phó — lại có lòng tốt ban hỏi một câu: « Học trò tỉnh mà cũng mò đêm kia à? Bao giờ mới ra học? À này, cháu, hay là cháu ra gần cửa canh gác một tí cho các bà ở đây được yên lòng. Này giờ họ giục mãi mà mấy chú tuần này thì còn mãi xem nước chiếu bí của cụ chánh. Không chú nào chịu làm việc cho ».

Một cái mác nhưè nhích, song lại yên ngay. Ý chừng nó chê ông phó nhà nó rất. Giờ này thì còn ma nào lên nẻo đến đây mà phải canh với gác!

Tôi lắng lắng vàng lời, chẳng phải dễ *đứng chiến* đứng chiếc gì, song dễ tránh khỏi bị thun sổng. Họ đã quen rồi, khói toả mịt mù mà không gạt chẳng chảy nước mắt. Minh thì nhắm rghiền lại bằng khóa mà vẫn như thấy kim châm.

Tôi toan ầy tám gỗ chặn cửa hang cho dễ thở; song bui sáng vừa ủa bay ra thì hơi lạnh đã ập vào. Tôi vội vàng đóng sập ngay lại.

Ngoài kia, gió đồng lộng tối, soáy vào hốc núi, tạt vào lùm cây, hú hú đuổi nhau suốt đêm tàn. Trong rẫy công việc vẫn tập nập; từ những nhũ đá nước rỏ giọt xuống lửa cháy sèo sèo...

*

— Quạt! cõ tũg chơn meñ suòn giốc, đẽ nhỏ lẫn rạo rạo. Linh huyện chẳng, linh thổ, chẳng, hay linh đoan chẳng?

Tôi máy ông Năm lại và nhờ tai lão luyện lắng nghe họ. Đồng ý với tôi, ông vội ra hiệu « cõ đẽg » cho mọi người biết. Ông chánh, ông phó, tuần tráng vội chạy ra gần cửa. Một tiếng hú dài vang ủa khắp đồng. Lửa bỗng tắt phụt, tối om. Tiếng người khuôn chõ, vắn nỏi, khiêng hũ huỳnh huých. Tiếng ống buong bị bẻ răng rắc. Giáo mác, gậy tày, đòn càn tua tuả chìa về miệng hang.

Im lặng, nghe ngóng!

Năm sáu bước chặn đã trượt đến bên kia tấm cửa gỗ. Có hơi thở phì phì. Có tiếng rút cành cây, có tiếng nhai chóp chếp, ý hẳn họ bút roi, họ nhai trầu.

Chúng tôi hồi hộp đợi. Đợi một câu thét vang: « Mở cửa mau!... Gõ đoan về khám », và đợi một cuộc hỗn chiến có máu, tơi.

Nhưng chúng tôi đợi mãi... Bên ngoài chỉ thấy bước đi và sột sạt. Bên trong thì hàng hái đã dụ dần. Lâu họ thành lo sợ, lâu nữa đâm ra khùng. Giáo mác, gậy, đòn đã chổng xuống đất, giờ lại được giơ lên, người đã đứng khít lấy nhau, giờ lại gãi thành vòng cung, một thế trận vũng trũi nhứt!... Thấy hai ông chánh phó si sảo với nhau... Rồi bỗng dung họ sò dò cánh cửa.

Bao nhiêu mắt cùng trở ra nhìn hai con vật gì trắng trắng thấy động như chập chày. Thì ra, hú vía, chỉ là hai chú dẽ lạc từ ấy bóng sáng mờ, xuống kiếm ăn. Tiếng ủa cười, tiếng chửi ruả vang oang tung động.

Vài anh lậu dỏi vội chui tọt khỏi hang, và nột loảng họ đã lỏi, được hai chú bẹ bẹ vào.

« Mẹ kiếp! đũa nào nuôi dẽ nà đêm tối lại không gọi về. Cặp nó không tha đi thì chúng ông tha ».

— Dẽ bên kia suòn núi dấy, dẽ Tùng khế! dấy mà.

— Dẽ, Tùng khế á.

— Tùng khế thì mặc Tùng khế! Bất được ta cứ thít. Mai nó có chui thì nó nghe. Anh em ơi, kiếm dũa được dũa lá thì bây giờ ».

Thế rồi không phản vản, chẳng dỏi hỏi, lại

Nuoc Xiêm đã giúp Nguyễn Ánh

(Tiếp theo trang 13)

Ngài quyết kế trở về. Liên nhân ban đêm để thư tạ ở chỗ hành-tại, rước bà Quốc-mẫu và cung. quyển xuống thuyền, sai quân chèo đi gặp làm-Thuyền ngự về đến hộp Cồ-Gốt ».

* * *

KẾT LUẬN

1.— Nguyễn-Ánh đã lưu trú ở Xiêm hai-lần : lần thứ nhất bốn tháng (từ tháng hai năm Giáp-thìn 1784 đến tháng sáu năm ấy) lần thứ hai hai mươi sáu tháng (từ tháng tư năm Ất-tị, 1785, đến tháng bảy năm Đinh-vị, 1787).

2.— Quân Xiêm (Chiêu-Tăng, Chiêu-Sương) đã giúp Nguyễn-Ánh đánh quân Tây-Son về tháng bảy năm Giáp-thìn (1784) nhưng đến tháng chạp năm ấy, quân Xiêm bị Nguyễn-Nhạc phục đánh trước khi rút lui. Nguyễn-Ánh tự nhận là quân Xiêm tàn-bạo, cướp phá lương-dân, nên không muốn nhờ Xiêm giúp binh nữa.

Chính tháng hai năm Đinh-ngọ (1786) trong khi ở Xiêm — lần thứ hai — Nguyễn-Ánh đã giúp Xiêm đánh lui quân Diên-Điện.

3.— Vì anh em Tây-Son không đồng lòng với nhau, đã chia nước ta ra làm ba đề mỗi người, làm ba chủ mỗi phần lại còn đánh lẫn nhau, thành Nguyễn-Ánh có dịp đem quân ta ở Xiêm về đề thu-phục đất cũ.

Tháng tám năm Đinh-vị (1787), Nguyễn-Ánh đem quân về đến Long-Xuyên, tháng chín đến Cầu-Thợ. Nguyễn-Lữ trốn qua Biên-Hòa, chạy về Quy-Nhon rồi chết.

Có nghĩa binh các nơi tới theo Nguyễn-Ánh dần dần lấy lại đất Gia-Định, Đồng-Nai.

Khi Bá đa Lộc và Hoàng tử Cảnh về — tháng bảy tây năm 1788 — căn bản của Nguyễn-Ánh đã vững-vàng : có thể tự trông cậy với quân Tây-Son được, thứ nhất là quân Tây-Son sau khi Nguyễn-Huê chết — càng ngày càng yếu thế.

quý sử hò nhau dẹp việc nấu rượu, soạn vào bữa chén. Bếp lửa lại bùng lên, khói lại toả mù mù, ruột núi lại nóng rực. Ở nơi hoả ngục này chả mấy chốc hai con vật đã hiện nguyên hình., thành những lát tộ rạ mịn, châu lớn nước suối.

Cạnh khay, bưng dĩa, sự an-nùng tiếp sau nỗi lo sợ, bấy nhiêu cái ấy làm cho lửa lại càng thêm nóng, là lửa nực đáng lẽ phải dỗi, lửa rượu ngon rất bưng.

Đến cạnh bàn cờ tiên tôi liếc thấy mấy đĩa tái từ lỵ và nết chài nước sôi.

*

Chiều hôm sau ra thăm đồng, tôi thấy về phía Tăng-kê, La-Lên người dân bà đứng trên đầu núi. Họ vung tay chỉ trở mồm lấp bấp cái gì không nghe rõ. Trông lâu như vậy vì lửa giáo chủ đang thuyết pháp trên đỉnh non cao.

NGUYỄN LƯƠNG NGỌC

TỦ SÁCH

TÂN VĂN HÓA

ĐÃ CÓ BẢN

LY THƯCNG KIẾT

Kể phật giá 2\$00

Một phương pháp nghiên cứu danh nhân lịch sử khác hẳn các phương-pháp nghiên cứu từ trước đến giờ ở xứ ta.

SẮP CÓ BẢN

KINH TẾ HỌC

phổ thông

Của NGUYỄN PÁI AU

HAN THUYỀN

71, Tiên-Tsin — HANOI

BUI DAT KINH

NGUYỄN TUÂN

« Thủa gọi đất nổi cơn gió... »

Hà Nội năm Giáp Thân thật là không có tốt. Kinh xuân thử địa quỳnh vô trần.

Hà Nội vắng quá, ít hẳn bụi đi. Hà Nội mất tết Nguyên Đán. Cái dấu hiệu rõ rệt nhất của Hà Nội mất tết là ở sự thưa vắng của những chuyến tàu điện — của bất cứ đường nào — kéo những toa rộng rỗng. Chuyến ở nội tâm Kinh thành ra cũng vậy. Và các chuyến ở các vùng ngoài châu thành đổ vào cũng vậy.

Vào những ngày đầu của mùa xuân ở Kinh hỡi ôi ! chỉ là một xế xuân tàn. Còn đâu cái thời đậm đà của lũ lượt mặt to tai tía đóng cọc si-gà vào mồm, để lại sau chiếc xe cao-su giờ — đi mừng tuổi và lễ bái thờ ông vải nhà quen — một luồng thơm say của rượu mùi. Còn đâu cái thời tung bừng của áo gấm guốc kinh *găng* trắng nhẩy tàu điện và tóc thề và áo cào cào thướt tha bên những thông củ đơng ra lộc. Còn đâu cái thuở cánh pháo ào rúng như đào gió trên ngàn, xác đỏ chôn đứng cổ chân người bộ hành đi tìm xuân trên lễ đường. Xa lắm rồi.

Trong cái lòng của người công dân thực mắc vào những lúc trọng đại đây, lại còn thêm một thi nhân những ngậm ngùi cho xuân ế : xuân có tội gì với nước non.

Xuân Giáp thân nơi quê Việt quả là một sự nhảm, hoàn toàn hồng. Mãi cho đến cái ngày người ta được thêm một tuổi đầu nữa mà nơi các gian kinh-hàng sách, vẫn còn là liệt những cuốn lịch mới buông thông những tấm bia vô duyên. Có bao giờ lịch ế đến nhường ấy. Nhưng lịch ế vẫn chưa thấm bằng hoa ế.

. Cái gì bây giờ cũng trở uên vàng ngọc cả, duy chỉ có hoa là hời thối. Vậy mà hỡi ai ! m, cầm bó hoa qua phố vắng, tôi đã e dè đến dè luận và ngại sợ mỗi lúc gặp khách qua đường. Bởi vì, giờ đây đã phải là lúc ngồi chơi hoa và đưa hoa qua phố có nhiều nhà

vừa sụp đổ, há không hẳn là một việc có tình cách trông ghêo chung quanh ? Cái luân lý của đa số và cái luân lý của một người.

Bạn tôi — một kẻ vốn nặng lòng với những đời sống xinh bé có hương sắc hơn là với thời cuộc —, một buổi hoàng hôn trữ tình ấy đã để lũ hoa ế tàn rũ xế Bò-Đa mà bảo tôi rằng : « Quả năm, tôi sẽ chịu thương chịu khổ làm người lái buôn, dành lấy một cái vốn vừa phải để cuối năm đi mua hết cả những chỗ hoa thừa đã bị lia gốc vườn mà không gặp người cầm lọ. Tôi sẽ tìm đến các địa chỉ bán hoa mà dặn họ rằng cho tôi lúc nhọ mặt người ngày cuối năm, có bao nhiêu hoa ế cứ đem lại nhả tôi. Tôi không làm cả, lấy mấy tôi cũng dám trả. Đời tôi, chưa từng đối đỉnh đối chùa nào và cũng chưa từng tỏ tượng đức chuông gì, anh hãy cầu nguyện cho tôi có dịp làm được một việc đó. » Có dịp ? ! Tôi lặng nhìn bạn tôi, tự nhủ rằng với cái tình thế ra vào này, hoa rón xuống giá nữa và anh sẽ còn có nhiều dịp cứu hoa cuối năm.

Bên đám sầm vãng, có một người ăn mày đang đếm rất nhiều hào giấy mới. Tôi đòi cho hẳn một đồng bạc — cũng mới — an tâm hào đề gáy, cảm tình gọi hẳn một tích chuyện thú nhân nói rằng « lần này chúng con cũng được no lành. Ấy đã cho, là từ một hào cả Xu năm xu một đều hiếm. Và xin ở nhà nào cũng đều có người cho gạ. Ai cũng có lòng dễ dãi và không quắt mắng như mọi khi. »

Tôi được biết một vị trượng tộc kia rất quý tiền kẻ từ một xu trở đi mà giờ cũng dấp cho ăn mày mới cứ chỉ là đúng một hào. Ông tin rằng như thế là gây được điều thiện và kẻ nào làm điếu phúc đức như thế là tránh được họa tội. Và hình như ông lại có ý dè dặt sợ sệt đám ăn mày nữa

Tôi, còn được biết nhiều chủ nợ đã dễ dãi với người chưa trả được nợ và nhiều con nợ thành

tâm muốn trả hết nợ cho tất cả trái chủ của mình. Có người bảo đó là do cái tính lười cá của họ Riêng tôi thì tôi nghe rằng lúc này là cái lúc mọi người muốn được gần với mọi người để tựa lẫn vào nhau trong 'đau khổ', khổ sở và đỡ lẫn nhau. Cái lúc thất tán, tiền bạc mang theo còn nhiều khi là mối họa và tâm thương nhất là những kẻ không có bạn.

Đã có nhiều vị cường hào nơi xứ quê trên hành đẹp bớt lại một giau nhà mình để cho ng rời bạn cũ... ở tỉnh đ ra gia quyến về tị nạn.

Đã có nhiều kẻ nông phu lạnh lện và vui vẻ vớt cây chuối để đ ra những manh chiếu cho những thiếu phụ và hài n'li... trải ngồi trên cánh ruộng mùa nhìn một khoảng giới rung lên những máy và.

Sự lo chết nhiều dịp gây cái đẹp cho lòng. Ở giới đất này, thiệt thòi nhất là những kẻ không biết cội mớ.

NGUYỄN TUÂN

SÁCH MỚI

Chúng tôi nhận được

- 1.) Vang Bóng một thời
của Nguyễn-Tuân — Thời-Đại xuất bản
- 2.) Lý-thường-Kiệt
của Ng. tế-Mỹ — Hàn-Thuyền xuất-bản
- 3.) Cạn Đông cò sứ
của Ng. đức-Quỳnh — Hàn-Thuyền xuất-bản
- 4.) Le Capitains Đỗ-hữu-Vỹ
của Phạm-Quỳnh — hội Alexandre de Rhodes xuất-bản
- 5.) Lá Gia
của Hải-Trần — Đại-Học thư-xã xuất-bản
- 6.) Lịch-sử đạo Thiên-chúa ở Việt-Nam
của Đại-Việt xuất-bản
- 7.) Trăng nước
thơ của Thao-Thao
- 8.) Con đường mới
của Vũ ngọc Phan — Hanoi xuất bản
- 9.) Thượng Chi văn tập
thư xã Alex. de Rhodes xuất bản

Xin cảm ơn các nhà gửi tặng và giới thiệu với bạn đọc.

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN CỤC

Xuất bản những sách có tính cách giáo dục
= và có giá trị đặc biệt về văn chương =

TỔNG PHÁT HÀNH SÁCH VÀ BÁO CHÍ
= 214, Hàng Bè — HANOI =

ĐÃ CÓ BẢN

VANG BÓNG MỘT THỜI

Văn phẩm đặc sắc nhất của NGUYỄN-TUÂN
Ấn bản nhất định — Sách in hai màu
Hai tranh phụ bản của NGUYỄN-ĐỖ-CUNG

Giá bán:

- Loại thường.. .. 5\$00
- Loại dó lựa.. .. 20,00
- Loại vergé 30,00

ĐÃ XUẤT BẢN:

- TRAI NƯỚC NAM LÂM GI
của HOÀNG-ĐẠO-THUYẾT (hết)
- TRUYỆN CỔ NƯỚC NAM
của Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC (hết)
- BỐN BẢN CHÈO CỔ của nhạc sĩ
NGUYỄN XUÂN KHOÁT (mỗi bản 0\$20)

SẼ XUẤT BẢN:

- HƠI THỞ TÀN (Nguyễn Hồng)
- CỔ HỌC TINH HOA (Nguyễn văn Ngọc)
- Ả QI CHÍNH TRUYỆN (Dạng thái Mai dịch)
- NGÂM NGẢI TÌM TRẦM (Thanh Tịnh)
- LA SƠN PHU TỬ (Hoàng xuân Hân)
- NGUYỄN (Nguyễn Tuân).
- GỬI HƯƠNG CHO CIO — TRƯỜNG CA
PHẦN THƠNG-VIỆC (Xuân Diệu)

Truyện dài

NHỮNG BƯỚC ĐI NGANG

ĐỖ ĐỨC THU

Một bàn tay trong màn thò ra bị ngay lấy tiếng chuông đánh thức vừa bắt đầu kèn. Khôi đã thức giấc từ lâu, những chàng vẫn cuộn mình trong chăn, lười biếng hưởng cái êm dịu cuối cùng của một giấc ngủ về sáng. Chàng nằm im, cho hơi ấm ngấm vào các thớ thịt, lắng nghe những tiếng bên ngoài một vũng quê trước buổi bình minh. Mấy con chó cần vong, lè lè, một vài người gọi nhau đi chợ sớm. Tiếng giun dế kết thành một điệu nhạc mảnh mảnh, trầm trầm, đã như mất vào im lặng. Bên cạnh Khôi, hăm hập một hơi nóng của da thịt, và một điệu thở đều. Minh, vợ chàng, đang ngủ, nằm áp vào chồng.

Mấy tiếng chuông cất dứt đã đủ đánh thức người đàn bà. Minh tỉnh giấc. Tưởng chồng còn ngủ, nàng rón rén sẽ lách ra ngoài chăn, nủ lại cho chồng cần thận, rồi mở màn, lúi xuống giường.

Minh đã quên cái lệ ấy. Từ ngày không có người ở, sáng sáng nàng dậy sớm, đun sẵn một ấm nước. Khi nước sôi, Minh gọi chồng dậy uống trà, ăn sáng để đi làm.

Khôi nghe thấy vợ quẹt diêm châm đèn, bà mở cửa xuống bếp được đi rất nhẹ cõ, giữ tiếng quẹt trên nền đất cứng. Phải dậy thế này, cả những hôm mưa rét, thực là một cái tội. Khôi động lòng thương vợ. « Nhưng biết làm sao? » Và lại, dù thương họ, cũng chỉ nên để trong lòng. Đàn bà vẫn thế: biết mình yêu thương, họ sẽ nâng nui, làm mình làm mẩy ngay. Mà mình thì sung sướng gì? Hôm nay rồi không biết ra sao đây! Dù sao chàng thấy được nằm yên ấm lúc ấy, ấy chỉ là một khoái lạc ngắn ngủi, nhưng cũng là một hạnh phúc trên đời này. Khôi lim dim mắt, kéo chăn lên đến mang lại, muốn kéo luôn một giấc thực dài.

Minh mang nước, lay chồng:

« Dậy thôi anh, nước sôi rồi »

Khôi ậm ừ, trở mình, chân vẫn cuộn kín. Minh lay mạnh hơn.

« Sáu giờ rồi rồi. Dậy còn đi làm chứ? »

Khôi « ừ, ừ » nhưng vẫn nằm yên. Minh kéo chăn, đã quen, cái lối đánh thức phải vậy ấy. Bao giờ cũng phải gọi năm bảy lần, nàng cười, nói đi

« Hôm nào cũng dậy dừa, đi dừa, nó lại tổng cổ về thì thì hồ mà ngủ! »

Khôi lúng túng, choàng chăn, lúi lúi. Theo một thói quen của người đi làm sớm, đến một tiếng, chàng ra, nằm ngay hai bên vệ đường. Chàng nhìn lòng thấy bánh còn cứng, rồi lại nghĩ đến nỗi nhai chán đến ghê, nhai cho vội, chiedo cho trôi vai. Minh đã bày ra trước mặt chàng cái thức phở truyền và phê, và mấy quả trứng, thức ăn sáng hình như.

Nàng gọi trứng, rồi đưa nư về sôi cho chồng. Về cả phê, Khôi pha lấy. Minh đã pha thử nhiều lần, học mãi mà cũng không được vừa ý. Khôi. Chàng đã có lúc bảo vợ: « Điều hòa những điều kiện ngôi nhà, đặc, loang, nóng, nư, lạnh và giữ lấy mùi hương trong một chén cà phê, mà cũng khó thế kia à? Có như thế mà không sao học được. Thật là nữ nhân nư hóa »

Minh cười, trả lời: « Phải chúng tôi nư hóa. Càng đó phải làm càng tốt về ông. Ai mà hân cho hết ý các ông được. Ông muốn nư thế nào, thì pha lấy. Càng lên »

Minh lấy cho nước nóng còn thừa, pha nước rửa mặt. Ánh sáng đã rạng. Khôi vẫn ngồi, trầm ngâm trước bàn, hai đầu gối bó đã thấy lạnh. Minh gọi giục, Khôi lại « ừ, ừ » và vẫn ngồi yên. Khi chàng chịu đứng dậy thì, nước pha đã nguội, trời sáng rõ, và kim đồng hồ đã gần chỉ giờ tám. Khôi vẫn không vội, vẫn đứng, nhìn mặt quần áo, thắt, ca vát, ứng dụng như người không cần phải tính đến thời giờ. Minh sốt ruột họ chồng, nhưng không dám giục nhiều. Nàng đã biết tính chồng hay gắt.

Lúc đất xe đạp ra đi, Khôi dặn lại vợ :
« Chiều nay anh không ăn cơm nhà, em đừng đợi, và nếu anh có về chậm, thì em cứ đi ngủ trước đi ».

« Thế à ? »

Minh không hỏi thêm. Nàng nhìn theo chồng ra khỏi cổng, lầm nhẫm :

« Không khéo lại đến trễ giờ mất thôi ».

II

Minh biết đâu rằng Khôi không còn cần phải đi đúng giờ. Chàng mất việc đã gần một tuần nay. Cái chuỗi xảy ra làm chàng mất việc, chẳng qua chỉ là một giọt nước làm tràn cái cốc quá đầy. Khôi đã chán ngấy cái đời thư ký kế toán, lương tháng mấy chục đồng. Gọi là kế toán, nhưng Khôi không có môn học chuyên nghiệp ấy. Vào sổ mấy món chi thu, trừ cộng qua loa, giữ thêm ít giấy má giao dịch, và vẫn còn nhiều thời giờ nhàn rỗi để Khôi theo đuổi một ý muốn.

Từ tiểu học đến thành chung, cậu học sinh Khôi đã tỏ ra có khiếu về văn chương và quốc sử, kết quả một nền giáo dục cũ trong thời ấu trĩ. Ông thân sinh ra Khôi là một cụ nhỏ, đã đặt vào tay con quân bút lông cho đến lúc Khôi lên mười, mới thay bằng bút sắt. Khôi đã hấp thụ trong thời kỳ gia đình giáo dục ấy, những tài liệu bất diệt cho làm giấy thông hành vào cuộc đời sau này.

Khi thay quân bút, Khôi vẫn có vẻ anh học trò nhỏ, hơn là học sinh trường Pháp Việt. Người mảnh khảnh trong chiếc áo thâm dài, mặt vờ hơi ửng đỏ, cử động dè dặt, Khôi thừa anh em về mặt bạo, nhanh nhẹn, nhưng hơn về tính cẩn trọng, suy nghĩ. Tính cẩn trọng, suy nghĩ của đứa trẻ mới lên mười, nó càng làm tăng lên sự yếu ớt rụt rụt. Để bổ khuyết chỗ đó, Khôi có tính buồn bĩnh, gan góc và một lòng tự ái rất mạnh, di tính của mấy thế hệ nhỏ già đã truyền lại đến chàng.

Thần thể không nhón kịp cái trí khôn sớm nở. Học hết ban thành chung, nết mặt anh chàng đã cứng rắn, hai con mắt sâu và nghiêm nghị, nhưng khổ mặt vẫn choắt, hai gò má gồ cao, người gầy, chân tay không có lấy một bắp thịt nở nang. Hai mắt thường眯, như tiếc lời nói. Mà chính anh chàng cũng rất ít lời, lúc nào cũng như bạn với một ý nghĩ gì trong tâm khảm. Anh em đã gọi Khôi là « một ông già » tuy chàng mới ngoài hai mươi tuổi.

« Ông già Khôi » quả có điều suy nghĩ trong lòng. Nó là kết quả của khiếu học văn chương và quốc sử. Sự dung hoà dĩ nhiên của hai môn đó gây trong óc anh chàng ý muốn viết một cuốn truyện lịch sử công việc rất thích hợp cho tính kiên nhẫn, cần cù. Ý đó soáy mãi vào, như một chiếc đinh ốc. Khôi đi hoàn toàn hấp dẫn. Lúc nào cũng suy tính, tìm tòi tài liệu, trong đầu đầy những tên người một thời qua, những bài chiến trường, binh kèn, ngựa hí. Trong trạng thái ấy, Khôi đi làm cho hăng buồn.

Khôi coi đi làm chỉ là một bước đi ngang trên con đường đã định phải thực hành mộng viết văn. Công việc tuy nhàn, nhưng cũng chiếm mất nhiều thời giờ đáng lẽ phải dùng vào việc tìm tòi tài liệu. Những lúc rảnh đang chỉ đủ cho Khôi nghĩ vơ vẩn, tiếc thời khắc mau qua, tự hỏi đã bước làm, coi như đã làm hỏng đời mình vì một môn lương tháng mấy chục đồng. Ý nghĩ thu vào đời sống bên trong. Khôi sinh lo lắng, nhiều lúc tàn nản. Việc làm hay làm lẩn, chủ gọi mấy câu không thấy trả lời. Một kết quả dĩ nhiên phải xảy ra : chủ chán người làm, người làm chán công việc. Rồi một hôm, sau khi đã đem số quân Tàu chết trận Đống Đa vào một thiên kế toán, và niên hiệu đức Gia Long tức vị vào một lá phiếu thu ngân, Khôi ra khỏi cửa hàng.

Chàng sung sướng như vừa thoát khỏi một tai ách. Chiều hôm ấy, trong lòng thư thái, Khôi đi tìm người bạn thân nhất của chàng — Kiên — uống một bữa rượu với môn tiền cuối cùng vừa lĩnh.

Trước cốc rượu, chàng vui vẻ kể lại :

« Cái nhảm thật là vô lý ! Giá xin lỗi một vài câu, sửa chữa lại thì cũng xong. « Xin lỗi ông, tôi nhầm ; để tôi đem sửa lại ». Câu nói làm gương mồm lắm. Hân đã chẳng wa gì tôi, lại được cơ hội vênh vang. Chẳng tha : đã ni àm đấy, làm gì thì làm. Và lại tôi cũng đã chán cuộc đời ấy lắm rồi. Cố vọt vọt lại, rồi cũng không được bao lâu. Chàng chổng thì chày, trước sau rồi cũng một lần, tiện dịp bỏ quách ngay đi cho rảnh ».

« Thế bây giờ anh định làm gì ? »

Khôi ngạc nhiên về câu hỏi. Như một con chim mới sổ lồng đang say sưa với tự do, chàng chưa kịp nghĩ đến công việc gì. Một lát chàng trả lời :

« Lẽ tất nhiên là tiếp tục công việc tìm tài liệu viết sách. Bây giờ tôi mới được làm việc hoàn toàn tự ý ».

Trong lúc cao hứng, Khôi muốn kể cho bạn nghe hoài bão của chàng, viết một cuốn tiểu thuyết lịch sử về thời Trịnh, Nguyễn. Trước mặt bạn thân, hơi rượu bốc, Khôi ra khỏi thái độ điềm tĩnh thường ngày. Chàng nói nhiều, kể những cái đã biết, những điều còn phải kiếm tìm, cả trương trình kiến thiết một tác phẩm nó sẽ làm người đọc thấy lại cả một thời qua. Khôi đang thao thao nói, Kiên ngắt :

« Tôi tưởng chỉ có thế thì cũng không cần phải bỏ việc làm ».

Khôi ngừng :

« Anh bảo sao ? »

« Nếu anh chỉ định có thế, thì cứ đi làm, cũng còn chán thời giờ sản sóc đến việc riêng ».

Cái hào hứng của Khôi tắt hẳn. Chàng ngạc nhiên nhìn bạn. Chàng đã chắc là Kiên hoàn toàn tán thành công việc của chàng, nào ngờ cần đầu tiên của bạn đã đi theo ý khác. Một sự gì đã len vào ngăn chàng với người bạn ngồi trước mặt, chàng

đã gần ngay lời phản đối trong khi cầu một ú tán thành. Chàng, cười lại :

« Như thế làm sao được ? Nghề văn rất hay ghen không cho người viết làm gì khác. Phi thời giờ mà không được gì. Thi dụ như tôi, tuy nhiên, những thời giờ đi làm là phải bỏ đi. Không nghĩ được gì, tư tưởng thường bị gián đoạn. Rồi lại những lúc nghĩ ngợi sâu suốt làm... »

« Nói thế, chính người đã có chí cương quyết, nhẫn nại, thì bao giờ cũng có thời giờ. Phải giẫy mình vô tình để mất đi, như nhà thơ mình tưởng. Phương chi, trong cảnh anh, tôi đâu đi làm cũng là một điều cần... »

Khôi nghĩ ngay đến số lương tháng giúp vợ chồng chàng sống hàng ngày. Khôi không cộ gia sản, không một chỗ bầu vùi về tiền nong. Chàng thấy hơi khó chịu. Câu vừa rồi, nếu một người nào khác nói ra, thì đã làm chàng phật lòng. Nó động đến cái nghèo túng của chàng. Nghèo túng không là một điều xấu, nhưng đụng đến nó là gây nên ảnh hưởng tiêu cực, cái cảm giác bất lực. Khôi trả lời, tự lấy làm đảm cho mình :

« Nghĩ như vậy, thì không còn làm được gì. Tiền tài tuy cần, nhưng chưa phải là điều kiện tối quan trọng. Người ta thế nào cũng sống, chỉ lo không theo được chí mình thôi. Lúc cần, kiếm cung phải ra... »

Kiên nhếch mép cười, lấy vẻ hoài nghi :

« Tôi cũng mong tin được như anh. Trong khi đi làm, anh có dành dụm được chút nào không ? »

Câu nào của Kiên cũng quay về chuyện thiết thực, trái hẳn với trạng thái mơ mộng của Khôi. Với một người khác, chắc Khôi đã ngắt đứt câu chuyện ấy. Nhưng Kiên đã biết rõ cảnh chàng. Khôi suy nghĩ giẫy giụa, trả lời :

« Kể ra thì, cũng chẳng có gì. Săm được ít thứ vật : xe đạp, đồng hồ, may mặc, và sống thêm được vài tháng nữa. Bây giờ tôi ở nhà quê, không tốn mấy. Đủ đợi cho xong cuốn sách... »

« Anh chắc xong sách là có tiền à ? »

« Chứ sao ? Và xong cuốn này, tôi lại tính viết luôn... »

« Thế là anh định kiếm ăn hoàn toàn bằng ngòi bút ? Đã ai nói với anh những bước đầu của các người theo nghề ấy chưa ? » Thấy Khôi có vẻ bối rối, Kiên tiếp luôn : « Nhưng thôi, dù sao việc cũng đã xảy ra, anh đã bỏ chỗ làm. Còn đủ sống được mấy tháng cũng là một cái may. Anh liệu cố viết đi. Đến đâu hay đến đó ; rồi sẽ liên... »

Lúc ra về, Kiên bỏ vai Khôi :

« Chắc anh thấy tôi thiện cảm. Tôi hay nghĩ thực, cũng là do tính đã quen. Có lẽ anh cộ lý. Mang sức mình thử với đời mình là một việc rất đáng thử ; nghĩ vậy. Tôi rất mong anh đạt được ý muốn, và có điều gì mới, cho nhau biết... »

Khôi bắt tay bạn ; ra về. Chàng đã nóng quá mấy chén, thấy đầu nặng, tâm trí hoang mang. Mọi sự vội vã, chàng dần thấy cái việc vừa rồi không đẹp đẽ

như lúc mới xảy ra. Lời của Kiên là những quả nước dúi vào cái vui đang bùng cháy. Chẳng biết thấy chột dạ. Hay là Kiên nói đúng, môn tiền lương cần thiết cho chàng ?

Còn người ấy vốn ít để ý đến sự sống hàng ngày. Cuối mỗi tháng, chàng giữ một ít tiền túi, rồi đưa nhiều đưa cho Minh chi dùng. Việc chàng đến đâu là hết, sang công việc Minh. Rồi cơm nước chi tiêu cứ đều đều như một cái máy chạy đã quen. Minh cũng là người nội trợ hàng trung bình, không đảm, cũng không quá bận rộn. Về lại, Khôi cũng dễ tính. Chứ trà tàu và cà phê, hai sở thích của chàng, còn cơm có thể nít, canh có thể mặn, Khôi không để ý lời. Khôi không hề phân vân ít món ăn, hay vụng nấu. Chàng ăn cho xong, còn vài đầu vào những tập bản thảo đầy gạch chì xanh, đỏ.

Bây giờ, Khôi phải nghĩ đến việc đó. Chàng không thể còn thờ ơ với sinh kế, với những chuyện tiêu pha, ăn uống chàng vẫn ghét xa nay. Về nhà, chàng hỏi ngay Minh :

« Em xem tiền tiêu trong nhà còn được đến bao giờ ? »

Lần đầu tiên, Minh nghe chồng hỏi một câu như vậy. Nàng nhâm nhâm :

« Tiêu đủ từ giờ đến cuối tháng, và còn thừa một ít. Độ vài chục đồng... »

« Thế thôi à ? »

Minh vội tiếp :

« Chỉ còn thế thôi, chứ mấy ? Anh không biết bây giờ cái gì cũng đắt gấp hai, gấp ba khi trước. Chợ búa rất khó mua. Một chục trứng, ngày trước... »

Được rồi, được rồi... »

Khôi ngắt ngay lời vợ. Câu vừa rồi, chỉ vì ngại nhiên thấy tiền còn ít quá. Chàng không có ý tra hỏi về chuyện ăn tiêu.

Minh gặng hỏi :

« Tại sao anh hỏi thế ? »

Khôi nhìn vợ. Cho nàng biết cái tin mất việc ? Khôi chắc rằng, Minh cũng như Kiên, sẽ không tra cái tin ấy. Nhất là với đàn bà, nó lại càng dữ dội. Khôi không muốn cho ai chỉ trích một việc chàng đã quyết định với tất cả tri xét đoán. Bất ngờ, giấu quách. Và lại Minh biết cũng không ích gì, chỉ thêm lo cho sinh kế, mà chàng đã nhận gánh vác ngay từ hồi mới lấy nhau. Tháng tháng có một món tiền như thế cho Minh là một việc ổn thỏa. Chàng muốn làm gì, nghĩ gì, tùy ý. Cuộc sống gia đình, tình vợ chồng sẽ yên nguyên. Tiền trong túi chàng còn đủ làm một tháng lương cuối tháng đưa Minh. « Đến đâu hay đó, rồi sẽ liệu ». Khôi đã vô tình, nhắc lại một ý của Kiên.

Chàng nhìn vợ. Trong cặp mắt thường kín đáo đã có lần một vẻ êm dịu, bán khoán, mà người đàn bà không nhận thấy. Chàng trả lời vợ :

« Không, không. Hồi thế thôi, chứ có sao đâu... »

(Còn nữa)



ĐỌC SÁCH MỚI

Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam: KIỀU THANH QUÊ (Đời Mới).

Học thuyết Freud: TÔ KIỀU PHƯƠNG (Tân Việt).

Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam là một cuốn

sách viết với một ý định tốt, nhưng tài của tác giả ở dưới mục đích của sách. Sách có chia ra thiên, tiết, thể như viết có phương pháp lắm, nhưng thực ra nó chứa đựng rất nhiều vụng về: có những tiết dài dằng dặc bên cạnh những tiết ngắn gọn một trang với một đầu đề đồ sộ như một con búp bê lớn, tuy lớn vẫn là con búp bê (Tiết thứ nhất trong thiên thứ năm: «*Đặc tính văn hóa đồng tây*», tr. 161). Đầu đề ấy tựa như đầu đề cả một thiên khảo cứu! Thơ ngũ ngôn có kể chuyện một trái núi đẻ ra con chuột nhắt. Rất có nhiều ngon núi ngũ ngôn ấy trong tác phẩm của ông Kiều.

Nói đến nội dung thì người đọc có một cảm giác lạ sách không khoan xi có những thiên, những tiết chỉ liệt kê tên người và tác phẩm, như ở một bản kê mục lục, sách lớn sồn và tạp nhạp vì tác giả mới đủ thứ: ngữ học, văn chương, dịch thuật, dịch chữ, mơn chữ, vấn đề danh từ khoa học, lại không quên phủ báng, bút chiến,... Gặp gì nói ấy, cốt phỏ cái biết hoặc vừa hơm lật được của mình. Ở tất đó, người ta nhận thấy trình độ tri thức của tác giả. Cái gì ông cũng cho là hay, là mới, đến nỗi ông phải cho chúng ta biết dài giông và trịnh trọng rằng «*Người Pháp lấy dứt của Anh văn tiếng rockling-chair...*» (*Thiên thứ ba—Chữ ngữ học ngữ*); và sau khi kể các tác giả Pháp, Anh, Đức, Tàu,... ông còn cho ta biết rằng ông đã đọc cả nhà văn Tomomot—su do Felix Alean xuất bản và «*The spirit of the Chinese people*» của Cố-hồng-Minh! Lỗi khảo cứu của ông vụng vại, tầm mồm, lồi thối, lẩn khi làm ta vừa khó chịu vừa tức cười.

Đến nghệ thuật của cuốn sách thì thật không có. Nhiều trang không phải là vụng, mĩ là sỗ ghi chép. Câu văn lúc

rời rạc, lúc kêu phồng, như ở nhà hát, lúc ọc sục và buồn cười: «*Tôi xin khuyên các ngài tân học: Các ngài tân học ời...*» (Thật như tiếng kêu làng nước) (tr. 155). Rồi có những lời văn như ở sòm anh chị và các câu học trò ngồng nghênh thường dùng: «*Đề làm ngạo diên các ông đồ tây...*» (tr. 140). «*Trạng thái của người vong bản là luôn luôn lác mắt (!) bởi cái vỏi của ngoại quốc*» (tr. 146). Lúc đã nóng lên thì thiên nhà độ của con gà văn có tư cách: «*Còn lớp đồ tây của xứ ca...*» «*Đại hiệu choi đăm tây học xong bản có lẽ là Ng-tmanh-Trong-Thiên y thì...*» (hà lại có thể sách mé và vớ lẽ như thế được, dù đối với người mình không tra)...

Ấy là chưa kể bao nhiêu bậy đoán, và ý tưởng nóng cần Muốn phê bình quyền phê bình ấy, tất phải viết một cuốn sách giấy bằng quyền ấy để chỉ trích toàn thể và bao nhiêu tiểu tiết, như vậy ai có đủ thời giờ và kiên tâm? Nói tới một quyển sách đáng lẽ phải đề vùi trong tối tăm cũng đã là có hảo ý rồi. Ông Kiều sĩ và lữ tân học chỉ viết bằng văn Pháp, mà ông gọi mĩ mai là «*các ngài*», ông dạy: «*Các ngài là người Việt Nam, tất nhiên cũng tự phụ rằng sau này mình sẽ làm một nhà văn học của Việt Nam, mà nhà văn học của Việt Nam tức là nhà văn học của Á Đông vậy*». Nhưng lữ tân học ấy đọc cuốn sách của nhà văn học Kiều tất phải kêu rằng: «*Chẳng làm nhà văn học Việt Nam và Á Đông thì chớ, chớ viết văn Việt Nam như thế này hi thà đừng viết chớ xong!*»

Tác giả quyển *Cuộc tiến hóa Văn học Việt Nam* từng hứa hẹn viết quyển Freud, đọc bác học bách khoa... Trong «*Lời nói đầu*» cuốn *Học thuyết Freud* ông Tô Kiều Phương viết: «*Ở đây chúng tôi chỉ theo văn Hào Stefan Zweig...*» Té ra quyển sách chỉ là một phỏng thuật, và văn ông thương càng làm tỏ rõ sự dịch thuật lảm. Cái tên khảo cứu đã đánh lừa tôi. Còn bản chỉ tới một cuốn sách như vậy nữa, và nếu phải phải phê bình Stefan Zweig thì đề lúc khác. Quyền sách tuy vậy cũng có ích: nó thử thách một ít danh từ tâm lý học và câu oán triết lý.

P. T.

Q. T. O. NHÀ LẬU.

CÁI MỘNG ĐÓ SẼ THÀNH

SỰ THỰC, NẾU CÁC NGÀI

BỎ 1 \$ 00 MUA

VE SỞ SỞ ĐÔNG PHÁP

HỢP THƯ

Các bạn đặt mua 14 số đầu in lại.— Công việc in tam đình nay lại tiếp tục, khi nào in xong sẽ cộng-bổ lên báo T. N.

Các bạn gửi bài đăng.— Tòa soạn nhận được rất nhiều bài, xin giã nhời chúng mấy điều sau này:

- 1) Nhiều bài vì một lẽ riêng không đăng được.
- 2) Những bài khác chúng tôi chưa xem kịp vì bận công việc sửa soạn báo ra hàng tuần.
- 3) Riêng về Thơ, Thanh-Nghị dù ra hàng tuần cũng không nhận đăng thơ, trừ một vài trường-hợp đặc-biệt (Sổ Tắt...)

Các bạn bắt đầu mua vào dài hạn.— Lệ của ty Tri Sự có nhận được mandat mới gửi báo cho tiện việc sỏ sách.

Viec quoc te

TỪ 1er JANVIER ĐẾN 16 FÉVRIER 1944

Lien bang sô viêt

Mặt trận Á-đông

Chiến sự trên Thái Bình Dương đã tăng phần hoạt động. Không quân hai bên vẫn tiếp tục đánh nhau trên đảo Nouvelle Guinée,... quần đảo Salomon, (Bougainville, Nouvelle Bretagne), quần đảo Gilbert, quần đảo Marshall...

Trên lục địa một việc quan trọng xảy ra ở biên giới Ấn Độ Viễn Đông: từ ngày 4 Février quân đội Nhật đã bắt đầu tấn công sang Ấn Độ cùng với đoàn quân Quốc Gia Ấn Độ của ông Chandra Bose, nhằm nã hải cẩu Chittagong tại Nam Bengal. Ở vùng Buthidaung và Maungdaw quân Đồng Minh, dưới quyền Đô Đốc Anh Louis Mountbatten, bị quân Nhật bao vây cắt đứt đường tiếp tế từ Chittagong sang.

Đồng thời tàu bay Hoa Mỹ hoạt động ở Xiêm (Bangkok)... và sang tận Hương Cảng.

Mặt trận Ý

Tướng Oliver Leese được cử ra chỉ huy lộ quân thứ 8 thay tướng Montgomery. Quân Anh Mỹ vẫn tiến rất chậm. Trên con đường Rome — Mignano qua dãy núi Abruzzes vài cuộc thắng lợi nhỏ, thành Cervaro ở Đông Nam Cassino chiếm được ngày 11 janvier. Nhưng lên tới thành Cassino thì cuộc hoạt động... đọng lại, trận thế chung quanh thành này kéo dài từ cuối Janvier đến giờ chưa có sự thay đổi quan trọng. Có lẽ muốn chóng hạ được kinh thành Rome, ngày 22 Janvier quân Mỹ đổ bộ ở bờ biển Tây Ý vào hải cảng Nettuno cách phía Nam Rome 50 cây số. Sau khi chiếm được Nettuno và thành Littoria trên con đường Appienne dọc theo bờ biển, quân Mỹ bị quân Đức phản công kịch liệt chung quanh Cenzano, và hiện nay thì sự hoạt động hầu ngừng lại vì mưa nhiều.

Mặt trận Nga

— Tại các khu Vitebsk-Nevel ở quận Bạch Nga và tại bán đảo Crimée tình thế đã lặn không thay đổi.

— Khu quan trọng nhất vẫn là ở miền Ukraine phía Tây Kiev và Jitomir. Ở đây Đồng quân mỗi ngày một tiến sâu thành một cái túi vượt sang đất Ba Lan cũ từ khoảng đầu Janvier, cho tới đầu tháng Février thì cái túi đó lan tới Rovno và Luck cách biên giới Ba Lan cũ chừng 150 cây số.

Quá phía trên vùng đầm Pripet, trên đường sắt Jitomir-Mogilev, một đạo quân Nga, sau khi chiếm đóng Mozyr, Kolinkovich (14 Janvier) tiến về phía thành Pinsk cùng nhịp với đạo quân ở Tây Ukraine.

Quá phía dưới ở khu Vinnitsa, Hồng quân tiến đến đường sắt Odessa-Varsovie định cắt đứt đường rút lui của những đội quân Đức ở miền hạ lưu sông Dniepr. Những trận chiến xa thối giáp kinh khủng xảy ra không mang lại cho cả hai bên một kết quả nào cả. Sau khi quân Nga chiếm được thành Linty cách Đông Nam Vinnytsa 50 cây số (8 Janvier).

Tại vùng khuỷu sông Dniepr, trận thế vẫn gay go vô cùng. Quân Sô Viêt đã chiếm được Kirovograd (7 Janvier) Smiela (29 Janvier) Nikopol (10 Février) vẫn chưa đánh bại được quân Đức ra khỏi miền này. Hiện nay quân đội bên đang kịch chiến chung quanh thành Korsun trên đường Balaiia-Tcherkov—Smiela.

— Nhưng từ ngày 17 Janvier ở mặt trận phía Bắc, từ Leningrad đến hồ Ilmen, cuộc hoạt động bỗng bùng dậy. Hồng quân tấn công rất mạnh giải vây cho Leningrad, chiếm được mấy thành Krasnoye Selo, Peterhof, Novgorod, và tiến đến tận

84

đồng một tổn. khiến cho cái số chỉ thu gia đình bị rối beng và cái quỹ của người nội trợ nhẹ bổng hẳn đi.

Vấn đề tài chính gay go nhất cho hạng nào trong dân chúng? Bọn giàu có, tức là trong lúc này bọn buôn « chợ đen », tất nhiên không coi sự tốn kém vào đâu. Họ có nóng trở lại thành phố là vì không chịu nổi cách sống eo hẹp ở nhà quê, hoặc ngại sự đi về, hoặc sợ trộm cướp. Đám binh-dân, tức là thợ thuyền, phụ phen cho vợ con về nhà quê ở, phần nhiều không thấy sự thay đổi ấy là quá phiền, vì thường thường chỗ ở chính của họ vẫn là ở làng, nơi sinh quán, nơi quê cha đất tổ, có họ hàng, người quen thuộc ở nhiều. Vẫn lại ở đấy, vợ con họ cũng có thể tìm được công việc làm ăn để gánh đỡ những món chi tiêu cho chồng cho cha: họ có thể làm hàng xay, hàng sáo, bán quả bánh, làm bãi, làm vườn, v.v..

Cái bọn người bị lúng túng tiền nong nhất về việc chia gia đình là ở hai nơi, là bọn trung lưu, gồm những viên chức sở công và sở tư, những nhà buôn nhỏ, những nhà công nghệ và tiểu kỹ nghệ mà số lợi tức hàng tháng không tăng, hoặc chỉ tăng được hai, ba mươi phần trăm, trong khi giá sinh hoạt đã vọt lên gấp 300%, 400% hồi trước.

Những bọn này, đã sinh cơ lập nghiệp ở tỉnh thường không còn gấy rẽ gì, hoặc chỉ có những liên lạc rất lỏng lẻo với quê quán, nên càng phải chịu nhiều sự tổn kém, khi đột nhiên phải cho vợ con về làng ở.

Chính phủ đã đề ý đến phải công-chức: quan Toàn-Quyền vừa ban hành một đạo sắc lệnh của bên Bộ về việc cấp tiền trợ cấp cho các công-chức chủ gia đình vì việc tản cư mà phải gánh vác gia đình ở hai nơi. Tiền trợ cấp này, gọi là *tiền trợ cấp phân ly*. Đạo sắc-lệnh trên lại đặt ra những phụ cấp về nạn bom cho các công-chức phải làm việc tại những thành phố luôn luôn bị bom phá. Phương sách này thi hành sẽ làm giảm sự lo lắng cho đám công-chức về việc tản cư. Nhưng còn những hạng người khác trong phải trung lưu? Khó lòng mà tìm được kế gì có thể giải quyết được nỗi khó khăn ấy. Đã có những gia đình quen thuộc họp nhau lại, hoặc gồm những cha anh còn phải ở lại làm việc ở thành phố, hoặc gồm những đàn bà trẻ con phải

về trú ẩn ở nhà quê, ăn chung đồ lộn để giảm bớt số chi tiêu về những thứ có thể dùng chung được như các khoản thuê nhà, lương người ở, củi nước, dầu đèn, hoặc để góp sức làm thêm một công việc sinh nhai. Họ đã tỉnh giảm nhiều khoản tiêu, chịu sống khắc khổ để giữ số lợi tức cho việc cung cấp những nhu cần tối thiểu về sinh lý. Sức tư nhân chỉ có thể làm đến thế. Thiết tưởng nhà nước cũng nên lưu ý đến bọn dân chúng này mà giúp cho họ một đôi phần: chẳng hạn, về việc thuê nhà ở trong các làng bằng một giá phải chăng, hoặc việc phân phát thực phẩm.

Ở Saigon một nhà giàu tiền và giàu lòng bác ái, ông chủ hội Bắc-kỳ tương-tế, đã bỏ ra mấy vạn đồng xây nhà ở một vùng châu thành cho các hội viên đưa gia-quyển về ở, là những gia đình tất nhiên không có quê quán ở Lục-tỉnh. Thiết tưởng các nhà hàng tàu hàng sản, có sản đất sản chỗ ở trong các miền lân cận thành phố-nên giúp đồng bào bằng cách ấy thì cũng là một sự may mắn cho những hạng người nói trên kia.

4) và 5) Còn hai vấn đề nữa chung quanh việc tản cư là **việc học của thanh-niên** và **việc chung đụng giữa bọn dân tỉnh thành và dân hương thôn**. Có một hạng thanh-niên, phải bỏ dở sự học, theo gia đình về quê lánh nạn, rồi không tiện đến các nơi chính-phủ mới đi chuyển những lớp học, vì không chịu nổi số tiền phí tổn. Sự rối rai thi giờ và sự hoang lổng sẽ có hại cho họ mà cũng chẳng có lợi gì cho Đoàn-thể. Dùng một lối tồi-rhức gì để huấn-luyện và thu dụng luôn thể bọn thanh-niên này, đó là một vấn đề cấp bách. Sau cùng, việc tản cư dân thành-phố về các làng là một dịp bất ngờ để mọi người thấy rõ ràng sự cách biệt tinh thần đáng phàn nàn giữa đám dân tỉnh thành và đám dân hương thôn. Sự chung đụng đột ngột của hai bọn người này đã gặp nhiều sự khó khăn, nhưng ta hy-vọng với lòng tốt và sự cố gắng hiểu nhau của đôi bên, cuộc liên lạc mới mẻ này sẽ có lợi cho nền tiến bộ chung của quốc-gia,

Hai vấn đề sau có điều quan trọng đặc biệt về phương diện xã-hội, đáng đề ta bàn luận trong mục xã-thuyết ở một số tới.

VŨ DINH HÒE

DIA VI TRUNG LAP

(Tiếp theo trang 3)

đối xử với nhau lấy nhân đạo, không siểm nịnh ai, không xui dục ai, đã không thể làm cho hai bên thân được (vì họ là địch quốc) thì cũng không làm cho họ thêm thù ghét nhau : nói tóm lại phải hoàn toàn trung lập. Trung lập không những là một tình thế, lại còn là một nghĩa vụ . . . đối với hai bên địch thủ. Danh dự . . . đối với họ là ở chỗ làm trọn nghĩa vụ ấy.

Chữ nghĩa ấy tuy hẹp nhưng rõ ràng và xác thực hơn chữ Nghĩa hàm hồ trên kia.

Còn « Lợi ». Nước trung lập không dự chiến thì có thì giờ chuyển lực về cuộc nội trị, phát triển văn hóa và khuếch trương kinh tế : đó là lợi trông thấy trước mắt và công việc vừa sức của mình. Thế không những lợi cho mình mà còn lợi cho bất cứ nước nào về sau này, khi chiến tranh đã kết liễu, vì thế giới nào, trật tự nào mà chẳng phải xây trên trị an văn hoá với kinh tế?

Xây đắp nền tảng ấy tức là tự gây lực lượng cho mình để sau này tùy thời thế, có thể đối đãi được với người.

Có lẽ vì thế mà nước Turquie, nước Es-pagne, nước Suède giữ địa vị trung lập ; mà cũng vì thế mà nhiều nước khác nhiều đoàn thể khác muốn giữ địa vị trung lập.

PHAN ANH

Lục Tài Tu' của Tàu

Nguyên KIM THÁNH THẦN nhà phê-bình danh tiếng nhất nước Tàu cho rằng sách tài tử trong thiên hạ có 6 thứ là :

NAM HOA của Trang Tử, **LY TAO** của Khuất Nguyên,

SỬ KÝ của Tư mã Thiên, **LUẬT THI** tức **THƠ** của Đỗ-Phủ

cùng là **THỦY HỮ** và **MÁI TÂY** tức **TÂY SƯƠNG KÝ**

Trong năm 1944-45 này nhà xuất bản TÂN VIỆT sẽ lần lượt cho ra mắt độc giả, 6 bộ sách quý ấy.

ĐÃ CÓ BẢN : **MÁI TÂY** và **LY TAO** do Nhượng-Tổng dịch

ĐANG IN : **THƠ ĐỖ PHỦ**, **SỬ KÝ**, **NAM HOA** và **THỦY HỮ**

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT

— 29, Rue Lamblot — HANOI —

Cần thêm nhiều đại lý ở vùng SAIGON — CHOLON.

SÁCH GIÁ TRỊ :

Phiếm luận về Auguste

Comte. 3\$00

Trăng Ma Lầu Việt 8,20

Siêu hình học 5,00

Triết học Descartes 4,50

Luận Tàng. 1,50

Học thuyết Freud 2,50

Phật giáo triết học 3,50

Vàng Sao 2,50

Thi hào Tagore. 4,80

MỘT QUYỀN SÁCH LÀM CHẤN ĐỘNG DU LUYỆN

Lịch sử

ĐẠO THIÊN CHÚA ở Việt nam

Xuất bản dưới quyền duyệt-chính của cha L. Cadière và cụ Ung Hòe

Tựa của đức Khâm-Mạng tòa Thánh ở Đông-dương

Bản viết của

HỒNG LAM

Chủ giải của

cha L. CADIÈRE

Đã có bán khắp các hiệu sách lớn và ở :

Dai-việt thiên ban

50 bis, Avenue Khải-Định — HUẾ

— Mua sách xin gửi 8\$00 tiền sách và 1\$20 tiền gửi và tiền gói —

MỜI XUẤT BẢN

Le Capitaine DO HUU VI

PAR S. E. PHẠM - QUỲNH

MINISTRE DE L'INTÉRIEUR

Một cuốn sách hay của thư-xã Alexandre de Rhodes, dày 50 trang, khổ 12×18, có ba bức ảnh và bản dịch của NGUYỄN TIẾN LÃNG. Pháp-văn và Việt-văn đối-chiếu.

Một áng văn kiệt-tác của cụ Thượng PHẠM, mà trong thời-buổi này, thanh-niên Nam-Việt ai ai cũng nên ngấm đọc và suy nghĩ.

Bản thường . . . 0\$50

Bản giấy tốt . . . 3. 00

Cước . . . 0\$32

Tổng phát hành ;

MAI LĨNH

21, rue des Pipes, HANOI

AUTORISÉ PAR ARRÊTÉ DU GOUVERNEUR GÉNÉRAL du 1er MAI 1939 N° 3089
Directeur gérant : VŨ ĐÌNH HÒE. — Fondateur : ĐOÀN KẾ THIÊN — Imp. spéciale du THANH-NGHỊ